

Lời mở đầu

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Trong điều kiện hiện nay, phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không còn bị giới hạn trong nước mà đã được mở rộng tăng cường hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Do đó, quy mô và kết cấu vốn bằng tiền rất lớn và phức tạp, việc sử dụng và quản lý chúng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kế toán là công cụ điều hành quản lý các hoạt động tính toán kinh tế và kiểm tra việc bảo vệ tài sản, sử dụng tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong công tác kế toán của doanh nghiệp chia ra làm nhiều khâu, nhiều phần hành nhưng giữa chúng có mối quan hệ hữu cơ gắn bó thành một hệ thống quản lý thực sự có hiệu quả cao. Thông tin kế toán là những thông tin về tính hai mặt của mỗi hiện tượng mỗi quá trình : Vốn và nguồn vốn, tăng và giảm ... Do đó , việc tổ chức hạch toán vốn bằng tiền là nhằm đưa ra những thông tin đầy đủ nhất, chính xác nhất về thực trạng cơ cấu vốn bằng tiền, về các nguồn thu và sự chi tiêu của chúng trong quá trình kinh doanh để nhà quản lý có thể nắm bắt được những thông tin kinh tế cần thiết, đưa ra những quyết định tối ưu nhất về đầu tư, chi tiêu trong tương lai như thế nào. Bên cạnh nghiệp vụ kiểm tra các chứng từ, sổ sách về tình hình lưu chuyển tiền tệ, qua đó chúng ta biết được hiệu quả kinh tế của đơn vị mình.

Thực tế ở nước ta trong thời gian qua cho thấy ở các doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nói chung và vốn bằng tiền nói riêng là còn rất thấp, chưa khai thác hết hiệu quả và tiềm năng sử dụng chúng trong nền kinh tế thị trường để phục vụ cho sản xuất kinh doanh, công tác hạch toán bị buông lỏng kéo dài.

*Xuất phát từ những vấn đề nêu trên và thông qua thời gian thực tập em xin chọn đề tài sau để đi sâu vào nghiên cứu và viết báo cáo khóa luận : “ **hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại công ty trách nhiệm hữu hạn Việt Trường** ”*

Báo cáo gồm ba phần:

Chương I : Một số vấn đề lý luận cơ bản về hạch toán vốn bằng tiền.

Chương II : Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty trách nhiệm hữu hạn Việt Trường.

Chương III: Một số kiến nghị và giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Việt Trường.

CHƯƠNG I

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN.

I. Tổng quan về vốn bằng tiền:

1.1 Khái niệm vốn bằng tiền:

Vốn bằng tiền là toàn bộ các hình thức tiền tệ hiện thực đo đơn vị sở hữu, tồn tại dưới hình thức giá trị và thực hiện chức năng phương tiện thanh toán trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là một loại tài sản mà doanh nghiệp nào cũng có và sử dụng.

1.2 Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền:

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư hàng hóa sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán và thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy quy mô của vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận và ăn cắp. Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của nhà nước. Chẳng hạn tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp dùng cho chi tiêu không được vượt quá mức tồn quỹ mà doanh nghiệp và ngân hàng đã thỏa thuận theo hợp đồng thương mại, khi có tiền thu bán hàng phải nộp ngay cho ngân hàng.

1.3 Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.

Xuất phát từ những đặc điểm trên, hạch toán vốn bằng tiền phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Theo dõi tình hình thu, chi, tăng, giảm, thừa, thiếu và số hiện có của từng loại vốn bằng tiền.

- Giám đốc thường xuyên tình hình thực hiện chế độ quản lý tiền mặt, kỷ luật thanh toán, kỷ luật tín dụng.

- Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ, thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu của thủ quỹ với kế toán tiền mặt.

- Tham gia vào công tác kiểm kê quỹ tiền mặt, phản ánh kết quả kiểm kê kịp thời

1.4 Vai trò của công tác kế toán vốn bằng tiền.

- Nhằm đưa ra những thông tin đầy đủ nhất, chính xác nhất về thực trạng cơ cấu vốn bằng tiền, về các nguồn thu và sự chi tiêu của chúng trong quá trình kinh doanh để nhà quản lý có thể nắm bắt được những thông tin kinh tế cần thiết, đưa ra những quyết định tối ưu nhất về đầu tư, chi tiêu trong tương lai như thế nào.

- Bên cạnh nghiệp vụ kiểm tra các chứng từ, sổ sách về tình hình lưu chuyển tiền tệ, qua đó chúng ta biết được hiệu quả kinh tế của đơn vị mình.

1.5 Nguyên tắc hạch toán kế toán vốn bằng tiền.

- Hạch toán kế toán phải sử dụng thống nhất một đơn vị giá trị là “ đồng Việt Nam ” để phản ánh tổng hợp các loại vốn bằng tiền.

- Nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra “ đồng Việt Nam ” theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ để ghi sổ kế toán. Đồng thời phải theo dõi cả nguyên tệ của các loại ngoại tệ đó.

- Hạch toán vàng, bạc, kim khí quý, đá quý ở tài khoản tiền mặt phải tính ra tiền theo giá thực tế và không áp dụng cho các doanh nghiệp kinh doanh vàng , bạc, kim khí quý, đá quý.

- Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho doanh nghiệp kinh doanh vàng bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng và trọng lượng, quy cách phẩm chất và giá trị của từng loại từng thứ. Giá nhập vào trong kỳ được tính theo giá thực tế, còn giá xuất có thể được tính theo một trong các phương pháp sau:

+ Phương pháp giá thực tế bình quân gia quyền giữa giá đầu kỳ và giá các lần nhập trong kỳ.

+ Phương pháp giá thực tế nhập trước, xuất trước

+ Phương pháp giá thực tế nhập sau, xuất trước

- Phải mở sổ chi tiết cho từng loại ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý theo dõi đối tượng, số lượng ... Cuối kỳ hạch toán phải điều chỉnh lại giá trị ngoại tệ , vàng, bạc, kim khí quý, đá quý theo giá vào thời điểm tính toán để có được giá trị thực tế và chính xác.

Nếu thực hiện đúng các nhiệm vụ và nguyên tắc trên thì hạch toán vốn bằng tiền sẽ giúp doanh nghiệp quản lý tốt vốn bằng tiền, chủ động trong việc thực hiện kế hoạch thu chi và sử dụng vốn có hiệu quả cao.

II. Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền.

2.1. Kế toán tiền mặt tồn quỹ.

2.1.1. Quy định kế toán tiền mặt tồn quỹ.

- Chỉ hạch toán vào tài khoản 111 “Tiền mặt” số tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc đá quý thực tế nhập quỹ.

- Các khoản tiền, vàng bạc, kim khí quý, đá quý do đơn vị, cá nhân khác ký cược, ký quỹ tại đơn vị thì quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.

- Khi tiến hành nhập quỹ, xuất quỹ phải có phiếu thu, chi hoặc chứng từ nhập, xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép xuất, nhập quỹ theo quy định của chế độ chứng từ hạch toán.

- Kế toán quỹ tiền mặt chịu trách nhiệm mở sổ và giữ sổ quỹ, ghi chép theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, tính ra số tiền tồn quỹ ở mọi thời điểm. Riêng vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhận ký cược phải theo dõi riêng trên sổ hoặc trên một phần sổ.

- Thủ quỹ là người chịu trách nhiệm giữ gìn bảo quản và thực hiện các nghiệp vụ xuất, nhập tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý tại quỹ. Hàng ngày thủ quỹ phải thường xuyên kiểm kê số tiền tồn quỹ thực tế và tiến hành đối chiếu với số liệu trên sổ quỹ, sổ kế toán. Nếu có chênh lệch kế toán và thủ quỹ phải tự kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch trên cơ sở báo cáo thừa hoặc thiếu hụt.

2.1.2. Kế toán tiền mặt tồn quỹ.

Mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt tồn quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Thông thường tiền giữ tại doanh nghiệp bao gồm: giấy bạc ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc, kim loại quý đá quý ...

Để hạch toán chính xác tiền mặt, tiền mặt của doanh nghiệp được tập trung tại quỹ. Mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện. Pháp lệnh kế toán, thống kê nghiêm cấm thủ quỹ không được trực tiếp mua, bán hàng hóa, vật tư, kiêm nhiệm công việc tiếp liệu hoặc tiếp nhiệm công việc kế toán.

2.1.3. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.

Việc thu, chi tiền mặt tại quỹ phải có lệnh thu, chi. Lệnh thu, chi này phải có chữ ký của giám đốc (hoặc người có ủy quyền) và kế toán trưởng. Trên cơ sở các lệnh thu, chi kế toán tiến hành lập các phiếu thu, chi. Thủ quỹ sau khi nhận được phiếu thu, chi sẽ tiến hành thu hoặc chi theo những chứng từ đó. Sau khi đã thực hiện xong việc thu, chi thủ quỹ ký tên và đóng dấu “Đã thu tiền ” hoặc “Đã chi tiền” trên các phiếu đó, đồng thời sử dụng phiếu thu và phiếu chi đó để ghi vào sổ quỹ tiền mặt kiêm báo cáo quỹ. Cuối ngày thủ quỹ kiểm tra lại tiền tại quỹ, đối chiếu với các báo cáo quỹ và nộp báo cáo quỹ cho kế toán.

Ngoài phiếu thu, phiếu chi là căn cứ để hạch toán vào tài khoản 111 “Tiền mặt” còn cần các chứng từ gốc liên quan khác kèm vào phiếu thu, phiếu chi như: giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tiền tạm ứng, hóa đơn bán hàng, biên lai thu tiền ...

Ta có phiếu thu, phiếu chi và sổ quỹ tiền mặt như sau:

Đơn vị :

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

Quyển số: ...

Ngày .. tháng .. năm

Số : ...

Nợ : ...

Có : ...

Họ tên người nộp tiền :

Địa chỉ :

Lý do thu :

Số tiền :

(Viết bằng chữ) :

Chứng từ gốc kèm theo : Chứng từ gốc

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nộp tiền Thủ quỹ

Đơn vị :

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày ... tháng ... năm ...

Quyển số: ...

Số: ...

Nợ : ...

Có : ...

Họ tên người nhận tiền :

Địa chỉ :

Lý do thu :

Số tiền :

(Viết bằng chữ) :

Chứng từ gốc kèm theo :Chứng từ gốc

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nộp tiền Thủ quỹ

Đơn vị :

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Ngày ... tháng ... năm

Tài khoản 111 - tiền mặt

NGÀY THÁNG	SỐ CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU	SỐ TIỀN		
	PT	PC			THU	CHI	TỒN QUỸ
			Dư nợ đầu tháng				-
			Số phát sinh trong tháng				
						
			Tổng số phát sinh				
			Số dư cuối tháng				-

2.1.4. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản sử dụng để hạch toán tiền mặt tại quỹ là tài khoản 111 “Tiền mặt”.
 Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này bao gồm:

Bên nợ:

- + Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng , bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ, nhập kho.
- + Số thừa quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- + Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng sau khi điều chỉnh.

Bên có:

- + Các khoản tiền mặt ngân phiếu, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tồn quỹ.
- + Số thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

+ Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm sau khi điều chỉnh.

Dư nợ: Các khoản tiền, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý đá quý hiện còn tồn quỹ.

Tài khoản 111 gồm 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1111 “Tiền Việt Nam” phản ánh tình hình thu, chi, thừa, thiếu tồn quỹ tiền Việt Nam, ngân phiếu tại doanh nghiệp

- Tài khoản 1112 “Tiền ngoại tệ” phản ánh tình hình thu, chi, thừa, thiếu, điều chỉnh tỷ giá, tồn quỹ ngoại tệ tại doanh nghiệp quy đổi ra đồng Việt Nam.

- Tài khoản 1113 “vàng, bạc, kim, khí quý, đá quý” phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất, thừa, thiếu, tồn quỹ theo giá mua thực tế.

Cơ sở để ghi nợ TK 111 là các phiếu thu còn cơ sở để ghi có TK 111 là các phiếu chi.

2.1.5. Phương pháp hạch toán tiền mặt.

2.1.5.1. Kế toán tiền mặt tồn quỹ là tiền Việt Nam.

a) Các nghiệp vụ tăng:

Nợ TK 111(1111) : Số tiền nhập quỹ.

Có TK 511 : Thu tiền bán sản phẩm, hàng hóa, lao động dịch vụ.

Có TK 515 : Thu tiền từ hoạt động tài chính.

Có TK 112 : Rút tiền gửi ngân hàng.

Có TK 131, 136, 138 : Thu hồi các khoản nợ phải thu.

Có TK 144, 244 : Thu hồi các khoản ký quỹ, ký cược bằng tiền mặt.

Có TK 121,128,221,222,223,228 : Thu hồi các khoản vốn đầu tư.

Có TK 311, 341 : Vay ngắn hạn, vay dài hạn.

Có TK 411, 441 : Nhận góp vốn, vốn cấp bằng tiền mặt.

.....

b) Các nghiệp vụ giảm:

Nợ TK 112 : Tiền gửi vào tài khoản tại ngân hàng.

Nợ TK 141,144,244 : Chi tạm ứng, ký quỹ, ký cược ngắn hạn.

Nợ TK 121, 128, 221, 222, 223, 228 : Đầu tư ngắn hạn, dài hạn bằng tiền mặt.

Nợ TK 152, 153, 156, 157, 211, 213 : Mua vật tư hàng hóa, công cụ, TSCĐ...

Nợ TK 611 : Mua hàng hóa, vật tư nhập kho (Theo phương pháp kê khai thường xuyên)

Nợ TK 311, 315,331, 334, 336, 338 : Thanh toán nợ bằng tiền mặt.

Nợ TK 627, 641, 642 : Chi phí phát sinh bằng tiền mặt.

Nợ TK 333, 334: Nộp thuế, thanh toán lương.

.....

Có TK 111 (1111) Số tiền thực xuất quỹ.

2.1.5.2. Kế toán tiền mặt tồn quỹ là ngoại tệ.

Đối với ngoại tệ, ngoài quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi nguyên tệ trên tài khoản 007 - “Nguyên tệ các loại”. Việc quy đổi ra đồng Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau:

- Đối với tài khoản thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hóa, tài sản cố định ... dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ đều phải luôn luôn ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ

giá mua vào của ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 413 “Chênh lệch tỷ giá”.

- Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các tài khoản tiền, phải thu, phải trả. Số chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 413 “Chênh lệch tỷ giá”.

Kết cấu tài khoản 007: Nguyên tệ các loại.

Bên Nợ : Ngoại tệ tăng trong kỳ.

Bên Có : Ngoại tệ giảm trong kỳ.

Dư Nợ : Ngoại tệ hiện có.

Kết cấu tài khoản 413 : Chênh lệch tỷ giá.

Bên Nợ :

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hóa, nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

+ Xử lý chênh lệch tỷ giá.

Bên Có:

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hóa, nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

+ Xử lý chênh lệch tỷ giá.

Tài khoản này có thể dư Có hoặc dư Nợ.

Dư Nợ: Chênh lệch tỷ giá cần phải được xử lý.

Dư Có: Chênh lệch tỷ giá còn lại.

Số chênh lệch tỷ giá trên tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá, chỉ được xử lý (ghi rõ tăng hoặc giảm vốn kinh doanh, hạch toán vào lãi hoặc lỗ) khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Riêng đối với đơn vị chuyên kinh doanh mua bán ngoại tệ thì các nghiệp vụ mua bán ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa giá mua thực tế và giá bán ra của ngoại tệ được hạch toán vào tài khoản 515 - “Doanh thu hoạt động tài chính” hoặc tài khoản 635 - “Chi phí hoạt động tài chính”.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ngoại tệ:

- Các loại tỷ giá:

+ Tỷ giá thực tế: là tỷ giá ngoại tệ được xác định theo các căn cứ có tính chất khách quan như giá mua, tỷ giá do ngân hàng công bố.

+ Tỷ giá hạch toán: là tỷ giá ổn định trong một thời kỳ hạch toán, thường được xác định bằng tỷ giá thực tế lúc đầu.

- Cách xác định tỷ giá thực tế nhập xuất quỹ như sau:

+ Tỷ giá thực tế nhập quỹ ghi theo giá mua thực tế hoặc theo tỷ giá do ngân hàng công bố tại thời điểm nhập quỹ hoặc theo tỷ giá thực tế khi khách hàng chấp nhận nợ bằng ngoại tệ.

+ Tỷ giá thực tế nhập quỹ ghi theo nhiều phương pháp khác nhau như nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, tỷ giá bình quân, tỷ giá hiện tại ...

+ Tỷ giá các khoản công nợ bằng ngoại tệ được tính bằng tỷ giá thực tế tại thời điểm ghi nhận nợ.

+ Tỷ giá các loại ngoại tệ đã hình thành tài sản được tính theo tỷ giá thực tế tại thời điểm ghi tăng tài sản (nhập tài sản vào doanh nghiệp).

Trình tự hạch toán:

a) Trường hợp doanh nghiệp có sử dụng tỷ giá hạch toán:

- Khi mua ngoại tệ thanh toán bằng đồng Việt Nam:

Nợ TK 1112 : Ghi theo tỷ giá hạch toán

Có TK 1111, 331, 311 : Ghi theo tỷ giá thực tế

Nợ (Có) TK 413 : Chênh lệch tỷ giá (Nếu có)

Đồng thời ghi đơn : Nợ TK 007 - Lượng nguyên tệ mua vào.

- Bán hàng thu ngay tiền bằng ngoại tệ :

Nợ TK 1112 : Ghi theo tỷ giá hạch toán

Có TK 511 : Ghi theo tỷ giá thực tế

Nợ (Có) TK 413 : Chênh lệch tỷ giá (Nếu có)

Đồng thời ghi : Nợ TK 007 – Lượng nguyên tệ thu vào.

- Thu các khoản nợ của khách hàng bằng ngoại tệ:

Nợ TK 1112 : Ghi theo tỷ giá hạch toán

Có TK 131 : Ghi theo tỷ giá thực tế

Nợ (Có) TK 413 : Chênh lệch tỷ giá (Nếu có)

Đồng thời ghi đơn : Nợ TK 007 – Lượng nguyên tệ thu vào.

- Bán ngoại tệ thu tiền Việt Nam:

Nợ TK 1111 : Giá bán thực tế.

Có TK 1112 : Tỷ giá hạch toán.

Nợ (Có) TK 413 : Chênh lệch tỷ giá (Nếu có)

Đồng thời ghi : Có 007 – Lượng nguyên tệ chi ra.

- Mua vật tư hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ thanh toán bằng ngoại tệ:

Nợ TK 211, 214, 151, 153, 627, 641, 642 : Tỷ giá thực tế.

Có TK 1112 : Tỷ giá hạch toán.

Nợ (Có) TK 413 : chênh lệch tỷ giá (Nếu có).

Đồng thời ghi : Có 007 – Lượng nguyên tệ chi ra.

- Trả nợ nhà cung cấp bằng ngoại tệ :

Nợ TK 331 : Tỷ giá hạch toán.

Có TK 1112 : Tỷ giá thực tế.

Nợ (Có) TK 413 : chênh lệch tỷ giá (Nếu có).

Đồng thời ghi : Có 007 – Lượng nguyên tệ chi ra.

- Điều chỉnh tỷ giá hạch toán theo tỷ giá thực tế lúc cuối kỳ.

Khi chuẩn bị thực hiện điều chỉnh tỷ giá ngoại tệ, doanh nghiệp phải tiến hành kiểm kê ngoại tệ tại quỹ, gửi ngân hàng ... đồng thời dựa vào mức chênh lệch tỷ giá ngoại tệ thực tế và hạch toán để xác định mức điều chỉnh.

Nếu tỷ giá thực tế cuối kỳ tăng lên so với tỷ giá hạch toán thì phần chênh lệch do tỷ giá tăng kế toán ghi:

Nợ TK 1112 : Chênh lệch tỷ giá

Có TK 413

Nếu tỷ giá thực tế cuối kỳ giảm so với tỷ giá hạch toán thì phần chênh lệch do tỷ giá giảm kế toán ghi ngược lại:

Nợ TK 413 : Chênh lệch tỷ giá

Có TK 1112

b) Trường hợp doanh nghiệp không sử dụng tỷ giá hạch toán :

- Mua ngoại tệ trả bằng tiền Việt Nam :

Nợ TK 1112 : Giá mua thực tế.

Có TK 1111 : Giá mua thực tế.

Đồng thời ghi : Nợ TK 007 – Lượng nguyên tệ nhập quỹ.

- Thu tiền bán hàng bằng ngoại tệ :

Nợ TK 1112 : Tỷ giá thực tế.

Có TK 511 : Tỷ giá thực tế.

- Thu các khoản nợ phải thu bằng ngoại tệ nhập quỹ:

Nợ TK 1112 : Tỷ giá thực tế.

Có TK 131 : Tỷ giá bình quân thực tế nợ.

Nợ (Có TK 413) : Chênh lệch tỷ giá (Nếu có).

Đồng thời ghi : Nợ TK 007 – Lượng nguyên tệ nhập quỹ.

- Xuất ngoại tệ mua vật tư hàng hóa, TSCĐ, chi trả các khoản chi phí:

Nợ TK 152, 152, 156, 211, 611, 627, 641, 642... : Tỷ giá thực tế

Có TK 1112 : Tỷ giá thực tế bình quân.

Nợ (Có) TK 413 : Chênh lệch tỷ giá (Nếu có).

Đồng thời ghi : Có TK 007 – Lượng nguyên tệ xuất quỹ.

- Xuất ngoại tệ trả nợ người bán :

Nợ TK 331 : Tỷ giá ghi nhận nợ.

Có TK 1112 : Tỷ giá thực tế.

Nợ (Có) TK 413 : chênh lệch tỷ giá (Nếu có).

Đồng thời ghi : Có TK 007 – Lượng nguyên tệ xuất quỹ.

Đến cuối quý, năm nếu có biến động lớn hơn về tỷ giá thì phải đánh giá lại số ngoại tệ hiện có tại quỹ theo tỷ giá thực tế tại thời điểm cuối quý, cuối năm:

+ Nếu chênh lệch giảm:

Nợ TK 413 : Chênh lệch tỷ giá

Có TK 1112

+ Nếu chênh lệch tăng :

Nợ TK 1112 :

Có TK 413 : Chênh lệch tỷ giá

2.1.5.3. Kế toán tiền mặt tồn quỹ là vàng, bạc, đá quý.

Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. Ở các doanh nghiệp có vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán được hạch toán như ngoại tệ.

Các nghiệp vụ tăng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý ghi :

Nợ TK 1113 : Giá thực tế tăng

Có TK 1111, 1121 : Số tiền chi mua thực tế

Có TK 511 : Doanh thu bán hàng (Thu bằng vàng, bạc, ...)

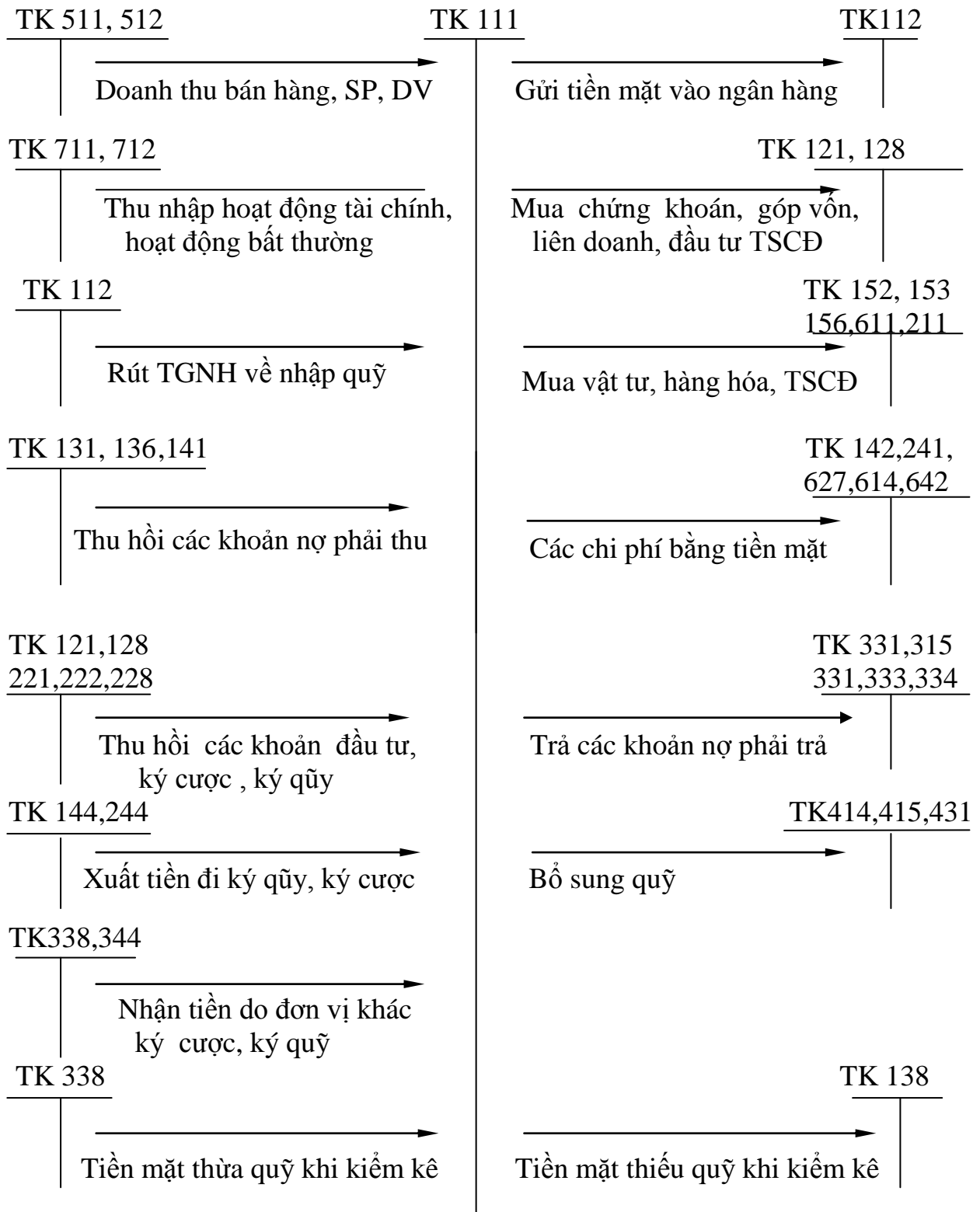
Có TK 138, 144 : Thu hồi các khoản cho vay, các khoản thế chấp, ký cược, ký quỹ.

Có TK 411 : Nhận góp vốn, cấp phát bằng vàng, bạc, ...

Các nghiệp vụ giảm vàng, bạc, kim khí quý, đá quý ghi theo bút toán ngược lại.

2.1.5.4. Sơ đồ hạch toán tổng hợp tiền mặt.

Sơ Đồ Hạch Toán Tổng Hợp Tiền Mặt



2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa các doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua ngân hàng đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán.

Theo chế độ quản lý tiền mặt và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số tiền được giữ tại quỹ tiền mặt (theo thỏa thuận của doanh nghiệp với ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản của ngân hàng. Các khoản tiền của doanh nghiệp tại ngân hàng bao gồm : tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như tiền lưu ký, séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền, thư tín dụng. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

2.2.1. Quy định về kế toán tiền gửi ngân hàng.

- Khi phát hành các chứng từ tài khoản tiền gửi ngân hàng, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số dư là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy, kế toán trưởng phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.

- Khi nhận được các chứng từ do ngân hàng gửi đến kế toán phải kiểm tra đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời. Nếu đến cuối kỳ vẫn chưa xác định được rõ nguyên nhân thì kế toán phải ghi sổ theo giấy báo hay bản sao kê của ngân hàng. Số chênh

lệch được ghi vào các tài khoản chờ xử lý (TK 1381 – “Tài sản thiếu chờ xử lý”, TK 3381 - “Tài sản thừa chờ giải quyết”). Sang kỳ sau phải tiếp tục kiểm tra đối chiếu tìm nguyên nhân chênh lệch để điều chỉnh lại số liệu đã ghi trên sổ.

- Trường hợp doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi ngân hàng ở nhiều ngân hàng thì kế toán phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

- Tại những đơn vị có bộ phận phụ thuộc cần mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi phù hợp để thuận tiện cho công tác giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết để giám sát chặt chẽ tình hình sử dụng từng loại tiền gửi nói trên.

2.2.2. Chứng từ sử dụng để hạch toán tiền gửi ngân hàng.

- Các giấy báo Có, báo Nợ, bản kê sao của ngân hàng.
- Các chứng từ khác : Séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo chi, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.

2.2.3. Tài khoản sử dụng để hạch toán tiền gửi ngân hàng.

Hạch toán tiền gửi ngân hàng (TGNH) được thực hiện trên tài khoản 112 - “Tiền gửi ngân hàng”. Kết cấu và nội dung của tài khoản này như sau:

Bên Nợ : Các khoản tiền gửi vào ngân hàng.

Bên Có : Các khoản tiền rút ra từ ngân hàng.

Dư nợ : Số tiền gửi tại ngân hàng.

Tài khoản 112 có 3 tài khoản cấp hai:

+ Tài khoản 1121 - Tiền Việt Nam : Phản ánh khoản tiền Việt Nam đang gửi tại ngân hàng.

+ Tài khoản 1122 - Ngoại tệ : Phản ánh các khoản ngoại tệ đang gửi tại ngân hàng đã quy đổi ra đồng Việt Nam.

+ Tài khoản 1123 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý : Phản ánh giá trị vàng , bạc, kim khí quý, đá quý đang gửi tại ngân hàng.

2.2.4. Trình tự hạch toán tiền gửi ngân hàng.

2.2.4.1. Kế toán tiền gửi ngân hàng là đồng Việt Nam.

Hạch toán tương tự như đối với tài khoản 1111 - Tiền Việt Nam. Đồng thời cần lưu ý một số nghiệp vụ sau:

- Số lợi tức được hưởng:

Nợ TK 111,112 : Nếu thu tiền ngay

Nợ TK 138 : Nếu chưa thu được tiền

Có TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

- Số chênh lệch số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp với số liệu của ngân hàng vào cuối tháng chưa rõ nguyên nhân :

+ Trường hợp số liệu của ngân hàng lớn hơn trên sổ của doanh nghiệp :

Nợ TK 112 : Số tiền chênh lệch

Có TK 3388 : Số tiền chênh lệch

Sang tháng sau, khi xác định được nguyên nhân sẽ ghi sổ theo từng trường hợp:

Nợ TK 3388 : Số tiền chênh lệch

Có TK 112 : Nếu ngân hàng ghi nhầm lẫn

Có TK 511 : Nếu doanh nghiệp ghi nhầm lẫn

Có TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 711 : Thu nhập khác

+ Trường hợp số liệu của ngân hàng nhỏ hơn số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp:

Nợ TK 1388 : Phải thu khác

Có TK 112 : TGNH

Sang tháng sau khi xác định được nguyên nhân ghi:

Nợ TK 112 : Nếu ngân hàng ghi thiếu

Nợ TK 511, 635, 811 : Nếu doanh nghiệp ghi thừa

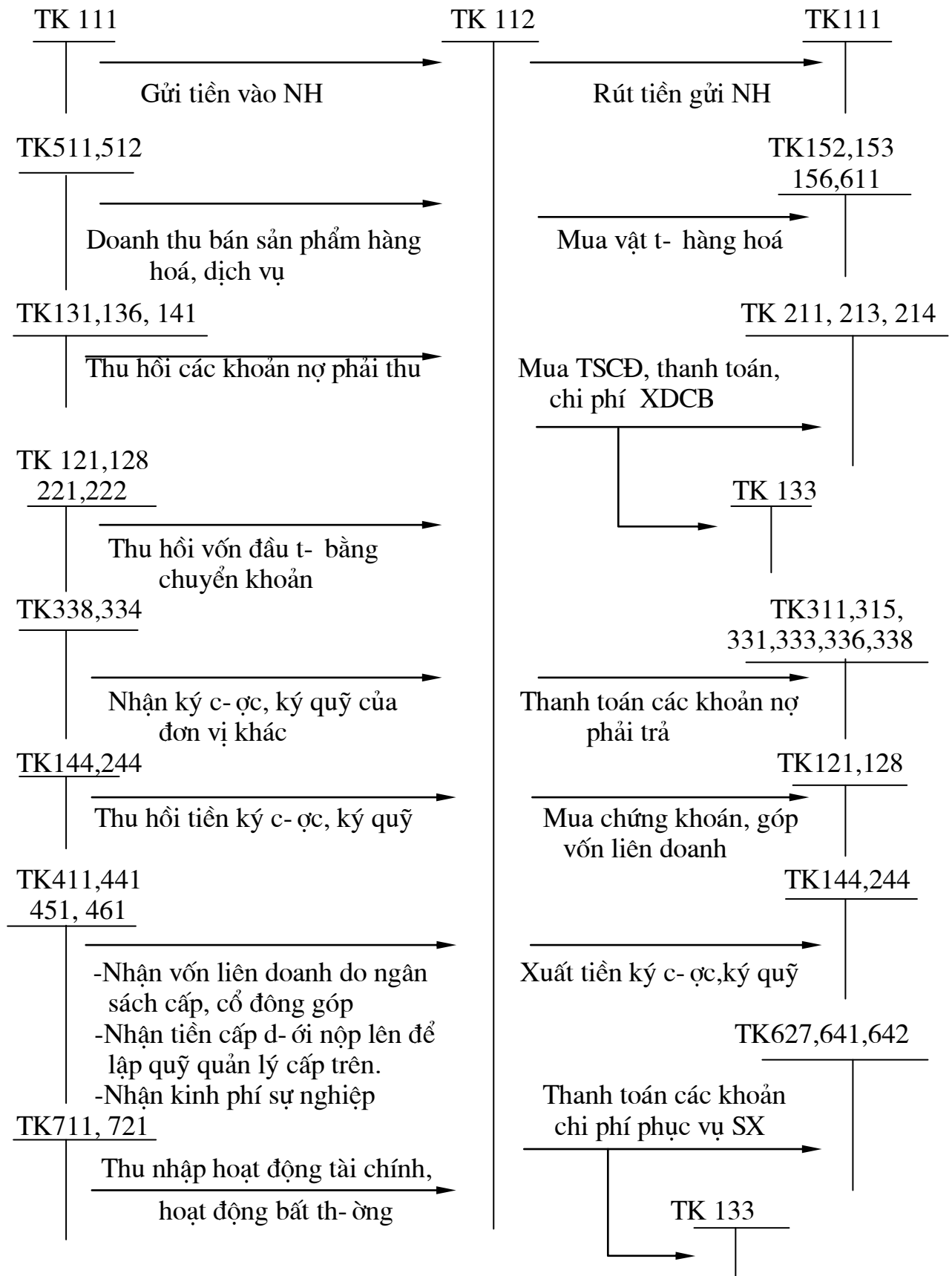
Có TK 1388 : Số thừa đã xử lý.

2.2.4.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ.

Việc thực hiện quy đổi từ ngoại tệ tại ngân hàng sang đồng Việt Nam được thực hiện tương tự như đồng ngoại tệ tại quỹ tại cơ quan.

2.2.4.3. Sơ đồ kế toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng.

Sơ đồ hạch toán



2.3. Kế toán tiền đang chuyển.

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc nhà nước hoặc gửi vào bưu điện để chuyển vào ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng.

Tiền đang chuyển bao gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện trả cho các đơn vị khác.
- Thu tiền bán hàng nộp thuế ngay cho kho bạc (giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và kho bạc nhà nước)
- Tiền doanh nghiệp đã lưu ý cho các hình thức thanh toán séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền ...

2.3.1. Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo nộp tiền, bảng kê nộp séc
- Các chứng từ gốc kèm theo khác như : séc các loại, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.

2.3.2. Tài khoản sử dụng.

Việc hạch toán tiền đang chuyển được thực hiện trên tài khoản 113 – “Tiền đang chuyển”. Nội dung và kết cấu của tài khoản này:

Bên Nợ : Tiền đang chuyển tăng trong kỳ.

Bên Có : Tiền đang chuyển giảm trong kỳ.

Dư nợ : Các khoản tiền còn đang chuyển.

Tài khoản 113 có hai tài khoản cấp hai:

TK 1131 – “Tiền Việt Nam” : Phản ánh tiền đang chuyển bằng tiền Việt Nam.

TK 1132 – “Ngoại tệ” : Phản ánh tiền đang chuyển bằng ngoại tệ.

2.3.3. Trình tự hạch toán.

- Thu tiền bán hàng, thu nợ khách hàng bằng tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào ngân hàng (không qua quỹ) ghi:

Nợ TK 113 : Tiền đang chuyển

Có TK 511 : Doanh thu bán hàng

Có TK 131 : Phải thu khách hàng

- Xuất quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng (đến cuối tháng):

Nợ TK 113 : Tiền đang chuyển

Có TK 111 : Tiền mặt

- Làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản ở ngân hàng để trả cho chủ nợ, cuối tháng chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có của ngân hàng.

Nợ TK 113 : Tiền đang chuyển

Có TK : 112 : TGNH

- Khách hàng ứng trước tiền mua hàng bằng séc, doanh nghiệp đã nộp séc vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có:

Nợ TK 113 : Tiền đang chuyển

Có TK 131 : Phải thu khách hàng

- Ngân hàng báo trước các khoản tiền đang chuyển đã vào tài khoản của đơn vị:

Nợ TK 112 : TGNH

Có TK 113 : Tiền đang chuyển

- Ngân hàng báo về số tiền đã chuyển cho người bán, người cung cấp dịch vụ, người cho vay.

Nợ TK 331 : Phải trả cho người bán

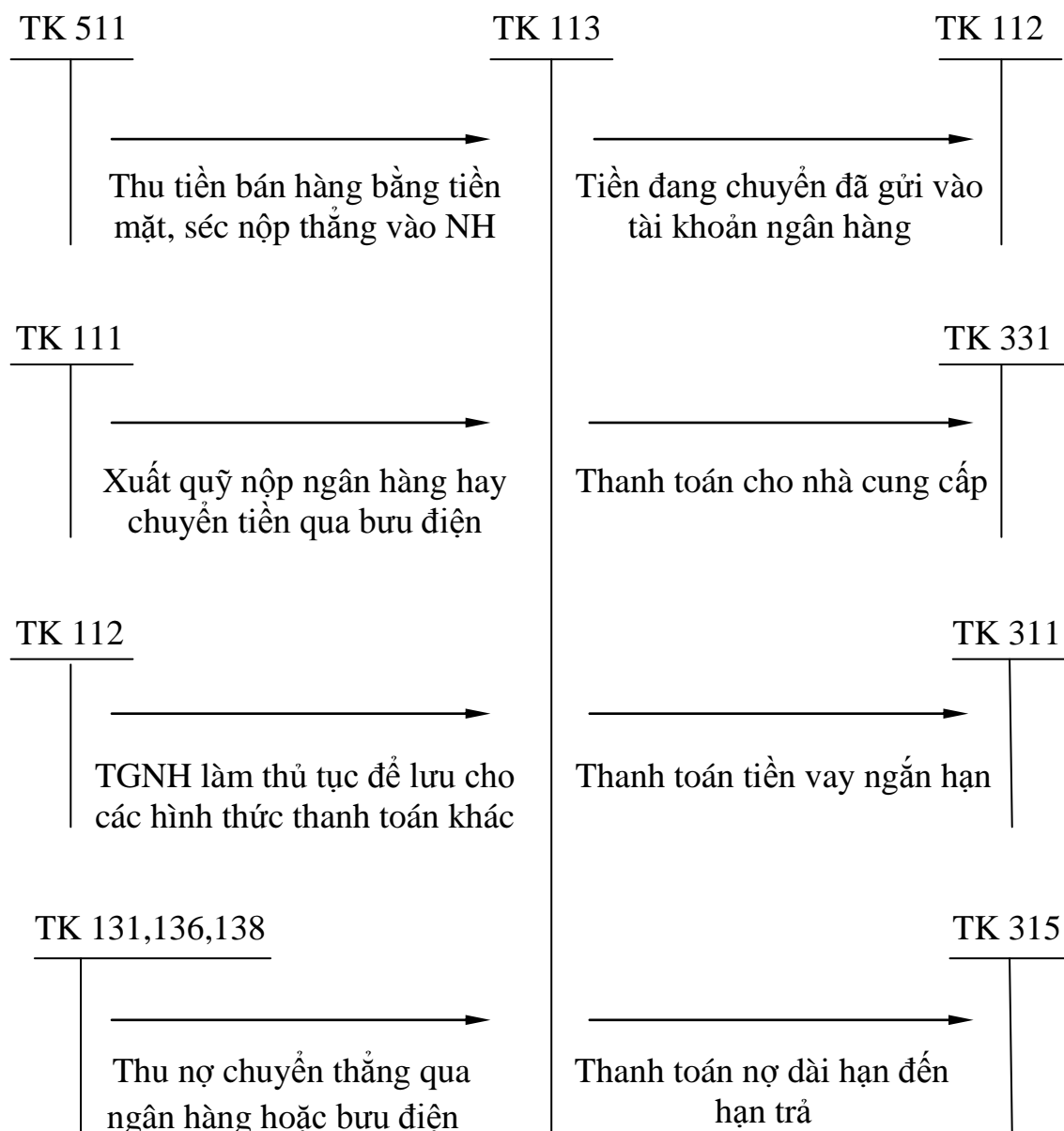
Nợ TK 311 : Vay ngắn hạn

Nợ TK 315 : Vay dài hạn đến hạn

Có TK 113 : Tiền đang chuyển

2.3.4. Sơ đồ kế toán tổng hợp tiền đang chuyển

SƠ ĐỒ TỔNG QUÁT KẾ TOÁN TIỀN ĐANG CHUYỂN



CHƯƠNG II : THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG.

I. Đặc điểm tình hình chung về công ty TNHH Việt Trường.

1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.

Lịch sử hình thành và phát triển của công ty

Tên gọi chính: Công ty trách nhiệm hữu hạn Việt Trường

Tên gọi tắt: Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Tel: +84 -31 - 3742863/ 3742563 / 3870337

Fax: +84 -31 - 742960

Email : info@viettruongseafood.com

viettruongcoltd2006@gmail.com

Website: viettruongseafood.com

Số tài khoản tại ngân hàng ngoại thương: 0031.000.071876

Số tài khoản tại ngân hàng công thương: 1020.100.003.00154

Số tài khoản tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn:
2100.310.00471

Mã số thuế: 0200421340

Công ty TNHH Việt Trường được thành lập tại giấy phép số: 0202000090 do sở Kế hoạch và Đầu tư -TP Hải Phòng cấp ngày 10 tháng 5 năm 2002. Bà Nguyễn Thị Thanh _ chủ tịch hội đồng thành viên là người sang lập ra công ty. Công ty có trụ sở và cơ sở sản xuất trong khuôn viên khoảng gần 5.000m² đặt tại

Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm - TP Hải Phòng và chính thức bắt đầu đi vào hoạt động vào đầu năm 2003. Là Công ty còn non trẻ, nhưng công ty đã khẳng định được chỗ đứng của mình cả thị trường trong nước và quốc tế. Có được điều đó là nhờ ý chí dám nghĩ, dám làm, sự đồng lòng chung sức của toàn thể ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên trong công ty. Hiện nay, Công ty đang từng bước đưa sản xuất kinh doanh dần đi vào ổn định đồng thời mở rộng quy mô kinh doanh trên mọi lĩnh vực và luôn hoạt động với tôn chỉ: " Đổi mới tư duy hướng tới hoà nhập, Vì sự phát triển sức khỏe cộng đồng, vì sự hội nhập quốc tế"

2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp là xuất khẩu thủy sản tươi sống và thủy sản đã qua chế biến. Sản phẩm chiến lược của công ty là surimi (chả cá). Trong các năm qua đây là mặt hàng được chế biến và xuất khẩu với số lượng lớn. Hai thị trường nhập khẩu mặt hàng này nhiều nhất là thị trường Hàn Quốc và Nhật Bản. Bên cạnh đó doanh nghiệp còn xuất khẩu các mặt hàng như tôm các loại, mực... và nhiều loại thủy sản khác.

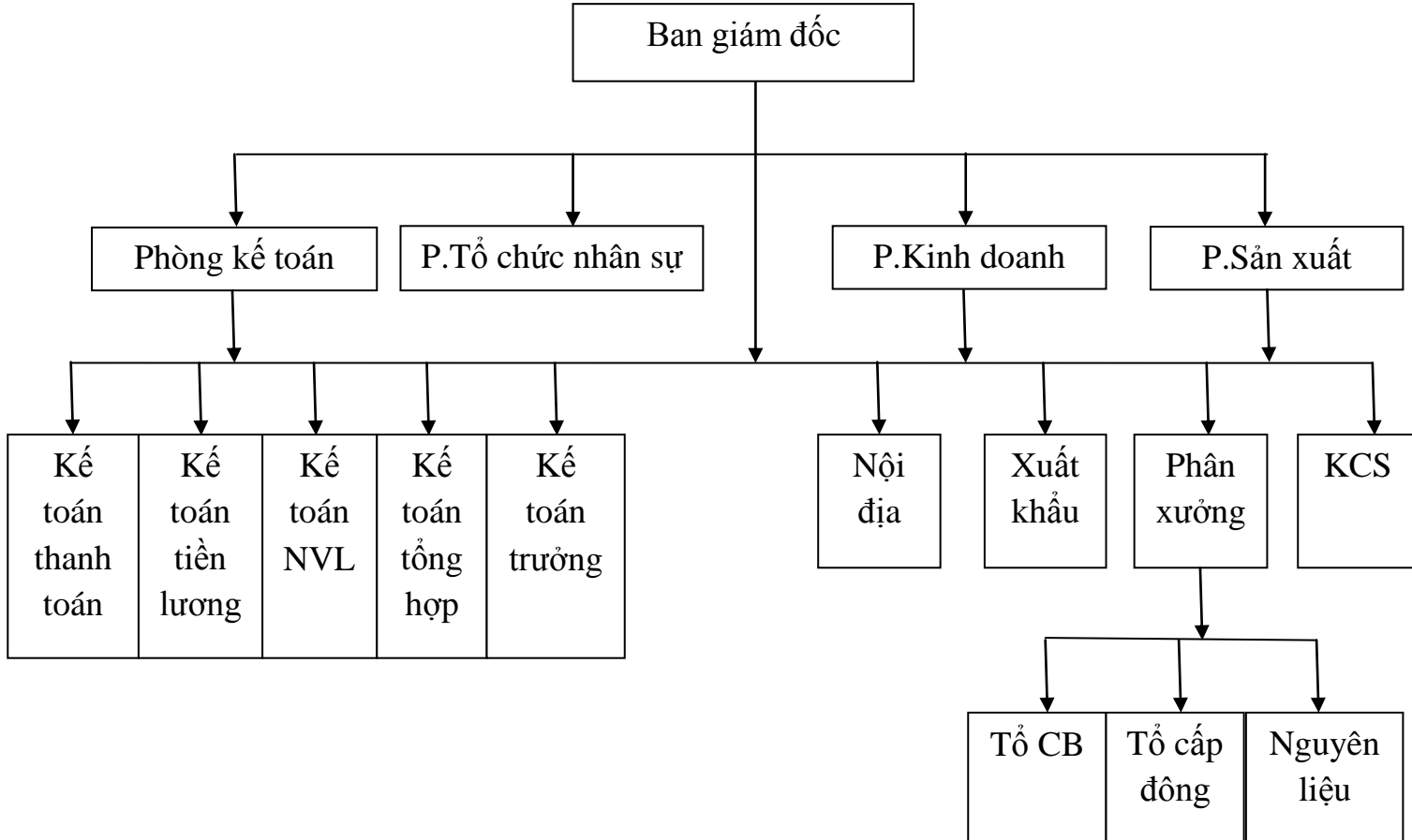
Hoạt động kinh doanh trong nước phần lớn là nghiệp vụ thu mua nguyên vật liệu. Trong khoảng thời gian gần đây doanh nghiệp đẩy mạnh hơn hoạt động kinh doanh trong nước. Tập trung cả 2 mặt xuất khẩu và nội địa nhằm hỗ trợ cho nhau cùng phát triển.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý kinh doanh của công ty trách nhiệm hữu hạn Việt Trường.

3.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty.

Cơ cấu tổ chức gọn nhẹ phù hợp với quy mô kinh doanh trung bình của công ty, bằng mô hình này ta có thể thấy các mệnh lệnh nhiệm vụ và thông báo tổng hợp cũng được truyền từ lãnh đạo của công ty đến cấp cuối một cách dễ dàng.

Sơ đồ 1.1: Mô hình tổ chức của công ty TNHH Việt Trường:



3.2 Chức năng nhiệm vụ của các bộ phận

a) Ban giám đốc.

Giám đốc là người chỉ đạo chung có thẩm quyền cao nhất, có nhiệm vụ quản lý toàn diện trên cơ sở chấp hành đúng đắn chủ trương chính sách của nhà nước. Giám đốc là người đại diện cho toàn bộ cán bộ công nhân viên của công ty trước pháp luật

Phó giám đốc của công ty là người được điều hành và giám sát công việc sản xuất và kinh doanh của công ty, đồng thời là người thay mặt giám đốc điều hành hoạt động của công ty khi giám đốc vắng mặt.

b) Các phòng ban.

Phòng kế toán có chức năng tham mưu cho giám đốc về việc lập kế hoạch và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tài chính của các phòng kinh doanh. Thực hiện các nhiệm vụ về kế toán tài chính.

Phòng kinh doanh: giới thiệu sản phẩm, tổ chức các hoạt động kinh doanh xuất khẩu, cũng như các hoạt động kinh doanh trong nước.

Phòng tổ chức nhân sự có chức năng giúp giám đốc quản lý về tổ chức nhân sự, hành chính, quản lý chế độ với người lao động, kế hoạch đào tạo. Bên cạnh có tổ chức nhân sự có nhiệm vụ tổ chức sinh hoạt và các hoạt động tinh thần cho công nhân viên chức của công ty.

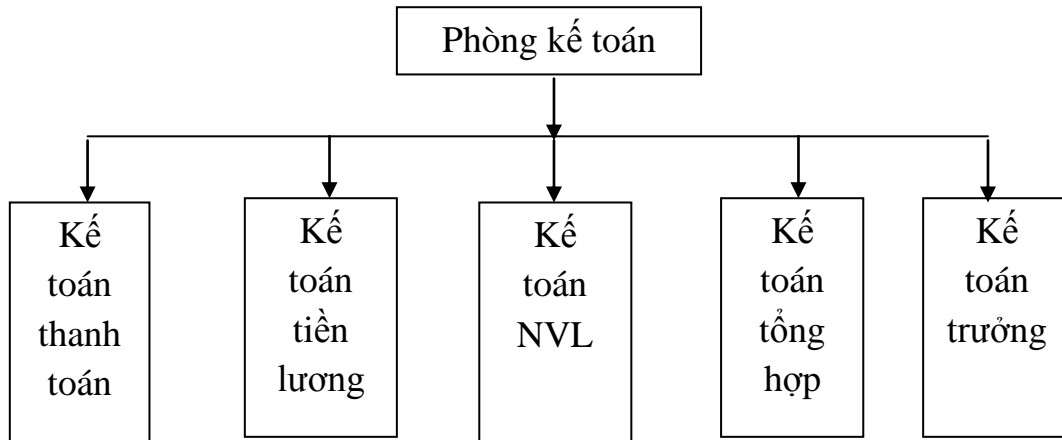
Phòng sản xuất: chịu trách nhiệm chỉ đạo sản xuất để từ nguyên vật liệu chế biến ra thành phẩm.

Phòng KCS: Lấy mẫu phân tích hóa quản lý chất lượng vật tư đầu vào, giám sát chất lượng thành phẩm trong suốt quá trình sản xuất nhằm đảm bảo sản phẩm do công ty sản xuất đạt được tiêu chuẩn đề ra.

4. Tổ chức bộ máy kế toán và công tác kế toán tại Công ty.

- Xuất phát từ đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, quy mô và địa bàn hoạt động, bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung. Toàn bộ công tác kế toán được tiến hành tập trung tại văn phòng kế toán. Chứng từ sau khi được thu thập từ các phòng, kiểm tra, xử lý và gửi về, phòng kế toán sẽ tổng hợp thực hiện việc ghi sổ kế toán, lập báo cáo kế toán của đơn vị.

Sơ đồ 1.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Việt Trường:



- Kế toán trưởng: chịu trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra mọi hoạt động của bộ máy kế toán tại công ty, lập báo cáo tài chính và phân tích tài chính chi tiết cho giám đốc, lập hồ sơ quyết toán thuế cuối năm, làm việc với các bên liên quan.

- Kế toán tổng hợp: có trách nhiệm tổng hợp, xử lý số liệu các số liệu trong phần mềm kế toán, hỗ trợ kế toán trưởng trong việc lập và phân tích báo cáo tài chính.

- Kế toán tiền lương: có nhiệm vụ tính toán tiền lương trả cho người lao động, tính và trích bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn theo tỷ lệ quy định.

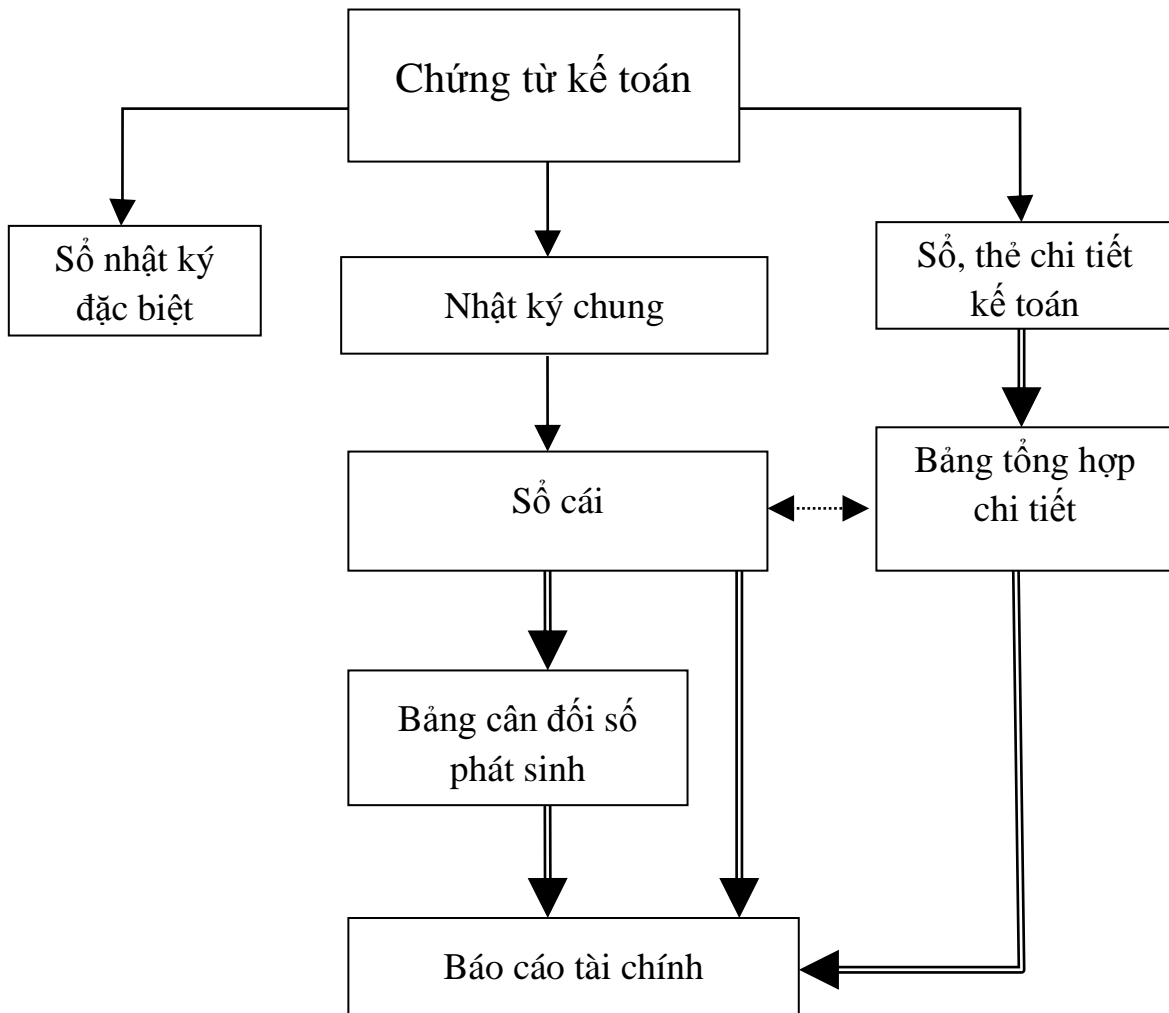
- Kế toán thanh toán: có nhiệm vụ theo dõi việc thu chi tiền mặt, kiểm soát các chứng từ vào quỹ hợp lệ, ghi sổ quỹ tiền mặt.

- Kế toán nguyên vật liệu: có nhiệm vụ theo dõi tình hình xuất, nhập, tồn vật tư, thành phẩm.

5. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty.

- Hiện nay Công ty đang sử dụng phần mềm kế toán ADSOFT và kế toán áp dụng theo hình thức Nhật ký chung :

Sơ đồ 1.4 Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty TNHH Việt Trường:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày:

Ghi cuối tháng:

Đối chiếu, kiểm tra:

II. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Việt Trường.

Kế toán vốn bằng tiền của công ty TNHH Việt trường bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và công ty gần như không sử dụng tài khoản tiền đang chuyển.

2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ của Công ty.

- Tiền mặt phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tại công ty. Kế toán tiền mặt mở sổ quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày và liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, nhập, xuất quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mỗi thời điểm.

2.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

Trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, công ty sử dụng các chứng từ sau:

- Phiếu thu, phiếu chi: căn cứ vào các chứng từ liên quan (Hóa đơn giá trị gia tăng, Đơn xin rút tiền, Giấy đề nghị thanh toán...), kế toán nhập dữ liệu vào máy tính và in phiếu thu, phiếu chi. Các phiếu này khi đã được ghi đầy đủ nội dung, đính kèm với các chứng từ trên sẽ được chuyển lên giám đốc, trưởng phòng kế toán để ký duyệt. Cuối cùng chuyển cho thủ quỹ làm căn cứ để xuất, nhập quỹ.

Phiếu thu gồm 3 liên:

- + Liên 1 : lưu tại phòng kế toán.
- + Liên 2 : giao cho người nộp.
- + Liên 3 : giao cho thủ quỹ.

Phiếu chi gồm 3 liên :

- + Liên 1 : lưu tại phòng kế toán
- + Liên 2 : giao cho người nhận
- + Liên 3 : giao cho thủ quỹ

2.1.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.

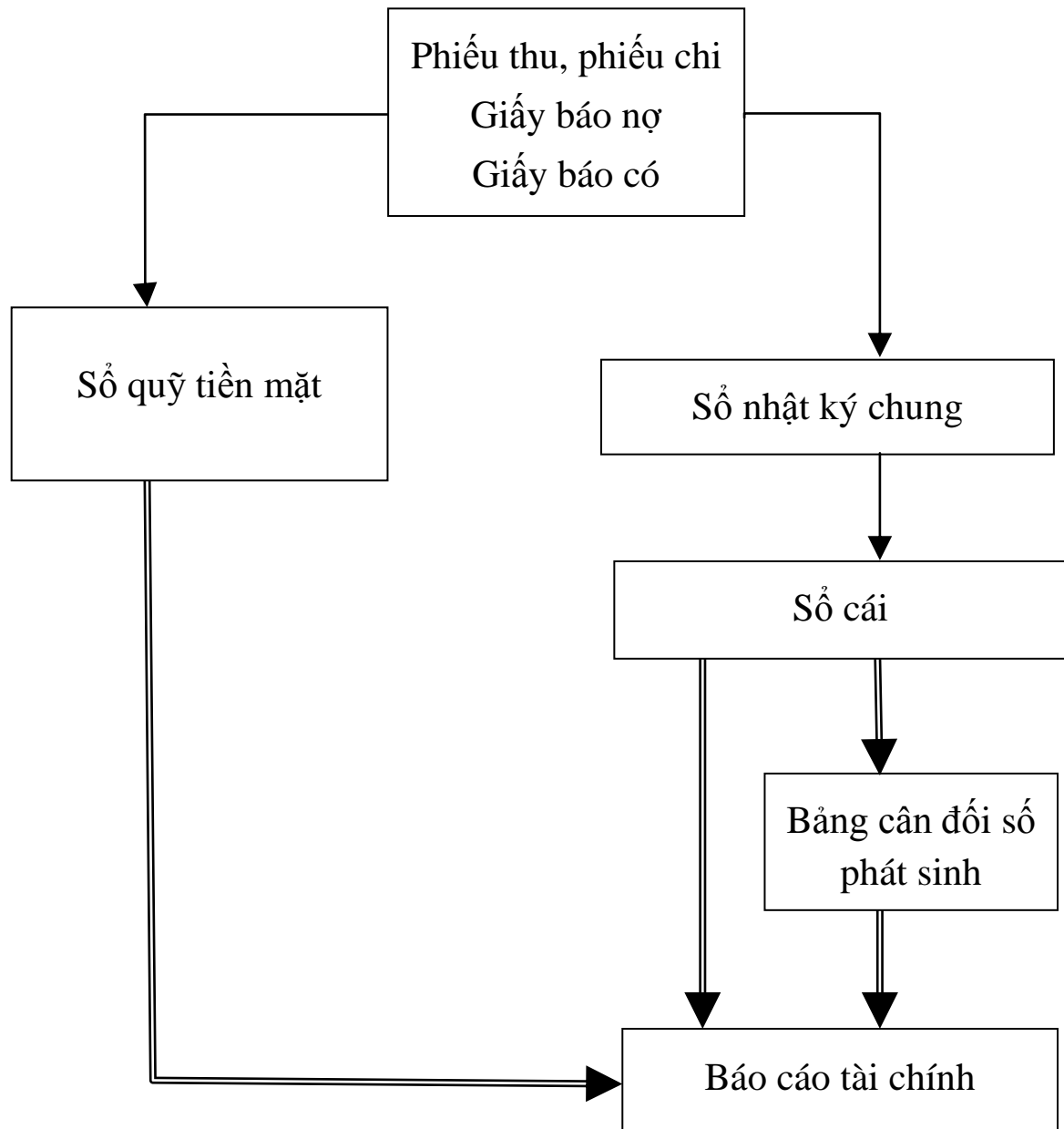
- TK 111: Tiền mặt.

- Các TK khác có liên quan.

2.1.3. Sơ đồ hạch toán tổng hợp tiền mặt tại Công ty.

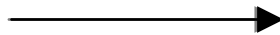
Hàng ngày khi có nghiệp vụ liên quan đến tiền, kế toán nhập số liệu vào máy tính. Sau đó các hóa đơn chứng từ liên quan đến vốn bằng tiền sẽ xuất hiện như phiếu thu, phiếu chi ... Phần mềm kế toán sẽ tự động vào Sổ quỹ tiền mặt, Sổ cái các TK 111...

Quy trình hạch toán vốn bằng tiền của Công ty TNHH Việt Trường:

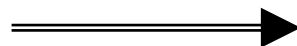


Ghi chú:

Ghi hàng ngày:



Ghi cuối tháng:



**Sơ đồ 2.1: Quy trình hạch toán tiền mặt
tại công ty TNHH Việt Trường.**

2.1.3.1. Kế toán tăng tiền mặt.

Một số nghiệp vụ làm tăng tiền mặt của công ty TNHH Việt Trường trong tháng 12 năm 2009 (trích một số nghiệp vụ):

- Ngày 01/12/2009 thu tiền bán hàng của doanh nghiệp Minh Trường số tiền là: 500.584.600 đồng.

Nợ TK 1111 : 500.584.600

Có TK 131 : 500.584.600

- Ngày 01/12/2009 rút tiền gửi ở ngân hàng Dầu khí về nhập quỹ tiền mặt số tiền là 182.000.000 đồng.

Nợ TK 1111 : 182.000.000

Có TK 1121 : 182.000.000

- Ngày 04/12/2009 vay ngắn hạn ngân hàng Công thương về nhập quỹ số tiền là 1.350.000.000 đồng.

Nợ TK 1111 : 1.350.000.000

Có TK 311 : 1.350.000.000

- Ngày 24/12/2009 bán thanh lý xe tải ben (BKS 16H - 6457) số tiền là: 325.500.000 đồng (thuế GTGT 5 %).

Nợ TK 131 : 325.250.000

Có TK 711 : 310.000.000

Có TK 3311 : 15.500.000

Nợ TK 1111 : 325.250.000

Có TK 131 : 325.250.000

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

QT/2009B

0095389

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ: Cụm CN Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại: 0313.747795 MS

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Doanh nghiệp tư nhân Minh Trường

Địa chỉ:

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt MS:

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1×2
1	Chả cá Surimi	Kg	30.000	15.879	476.747.238
Cộng tiền hàng:					476.747.238
Thuế xuất GTGT: 5 % Tiền thuế GTGT :					23.837.362
Tổng cộng tiền thanh toán :					500.584.600
Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm triệu, năm trăm tám tư nghìn sáu trăm đồng.					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT

Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

ĐT : 0313.742 563

Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

Quyển số: 1

Ngày 1 tháng 12 năm 2009

Số : 1

Nợ : 1111

Có : 131

Họ tên người nộp tiền : Nguyễn Thị Hồng

Địa chỉ : Doanh nghiệp Minh Trường

Lý do thu : Trả tiền hàng

Số tiền : 500.584.600 đồng

(Viết bằng chữ) : Năm trăm triệu năm trăm tám nghìn sáu trăm đồng.

Chứng từ gốc kèm theo : Chứng từ gốc

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nộp tiền Thủ quỹ

Biểu 2.2 : Phiếu thu

Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

ĐT : 0313.742 563

Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
						
31/12/2009	PT	01/12/2009	Thu tiền bán hàng của DN Minh Trường		111	500,584,600	
31/12/2009	PT	01/12/2009	Thu tiền bán hàng của DN Minh Trường		131		500,584,600
31/12/2009	PT	01/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ		111	182,000,000	
31/12/2009	PT	01/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ		112		182,000,000
31/12/2009	PC	02/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương		112	500,000,000	
31/12/2009	PC	02/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương		111		500,000,000
31/12/2009	PC	03/12/2009	Nhập kho cá tạp của người nông dân		152	153,596,000	
31/12/2009	PC	03/12/2009	Nhập kho cá tạp của người nông dân		111		153,596,000
31/12/2009	PT	04/12/2009	Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ		111	1,350,000,000	
31/12/2009	PT	04/12/2009	Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ		311		1,350,000,000
						

Biểu 2.3 : Sổ Nhật Ký Chung

CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG
 Cụm CN Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hp

Mẫu số : 01 – TT
 (Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)
 Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Ngày 31/12/2009

Tài khoản 111 - tiền mặt

NGÀY THÁNG	SỐ CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU	SỐ TIỀN		
	PT	PC			THU	CHI	TÒN QUỸ
			Dư nợ đầu tháng				<u>1,112,627</u>
						
01/12/2009	PT		Thu tiền bán hàng của DN Minh Trường	131	500,584,600		501,697,227
01/12/2009	PT		Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ	1121	182,000,000		683,697,227
02/12/2009		PC	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương	1121		500,000,000	183,697,227
03/12/2009		PC	Nhập kho cá tạp của người nông dân	152		153,596,000	30,101,227
04/12/2009	PT		Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ	311	1,350,000,000		1,380,101,227
15/12/2009		PC	Thanh toán tiền điện thoại mobifone	642 1331		1,714,173 171,420	959,820,666
24/12/2009	PT		Thanh lý xe tải ben (BKS 16H - 6457)	131	35,250,000		995,070,666
						
			Tổng số phát sinh		16,145,721,218	16,145,515,737	
			Số dư cuối tháng				<u>1,318,108</u>

Biểu 2.4 : Sổ Quỹ Tiền Mặt

CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG

Cụm CN Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hp

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tài khoản 1111 - Tiền mặt

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		<u>1,112,626.75</u>	
					
31/12/2009	PT	01/12/2009	Thu tiền bán hàng của DN Minh Trường	131	500,584,600	
31/12/2009	PT	01/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ	1121	182,000,000	
31/12/2009	PC	02/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương	1121		500,000,000
31/12/2009	PC	03/12/2009	Nhập kho cá tạp của người nông dân	152		153,596,000
31/12/2009	PT	04/12/2009	Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ	311	1,350,000,000	
31/12/2009	PC	15/12/2009	Thanh toán tiền điện thoại mobifone	642 1331		1,714,173 171,420
31/12/2009	PT	24/12/2009	Thanh lý xe tải ben (BKS 16H - 6457)	131	35,250,000	
					
			Cộng số phát sinh trong kỳ		16,145,721,218	16,145,515,737
			Số dư cuối năm		<u>1,318,107.75</u>	

Biểu 2.5 : Sổ Cái Tiền Mặt

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN DẦU KHÍ**

Mã GDV : BATCH
Mã KH : 12345

GIẤY BÁO NỢ

Số GD : 01

Ngày 01/12/2009

Kính gửi : **Công ty TNHH Vệt Trường**

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi có : 3629417

Số tiền bằng số : 182.000.000

Số tiền bằng chữ :[+]Một trăm tám mươi hai triệu đồng chẵn.

Nội dung : ##Rút tiền về nhập quỹ.

Biểu 2.6 : Giấy báo nợ

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN DẦU KHÍ**

SỔ PHỤ

Số : 01

Ngày 01/12/2009

Tài khoản: 3629417

Công ty TNHH Việt Trường

DIỄN GIẢI	GHI NỢ	GHI CÓ
Số dư đầu ngày		450.179.118
##Rút tiền về nhập quỹ	182.000.000	
Tổng phát sinh ngày	182.000.000	0
Số dư cuối ngày		168.179.118
SỔ PHỤ		KIỂM SOÁT

Biểu 2.7 : Sổ phụ

Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

ĐT : 0313.742 563

Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

Quyển số: 1

Ngày 1 tháng 12 năm 2009

Số : 1

Nợ : 1111

Có : 131

Họ tên người nộp tiền : Nguyễn Thị Thu Hồng

Địa chỉ : Công ty TNHH Việt Trường

Lý do thu : Rút tiền mặt về nhập quỹ

Số tiền : 182.000.000 đồng

(Viết bằng chữ) : Một trăm tám mươi hai triệu đồng chẵn.

Chứng từ gốc kèm theo : Chứng từ gốc

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nộp tiền Thủ quỹ

Biểu 2.8 : Phiếu thu

Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

ĐT : 0313.742 563

Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
						
31/12/2009	PT	01/12/2009	Thu tiền bán hàng của DN Minh Trường		111	500,584,600	
31/12/2009	PT	01/12/2009	Thu tiền bán hàng của DN Minh Trường		131		500,584,600
31/12/2009	PT	01/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ		111	182,000,000	
31/12/2009	PT	01/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ		112		182,000,000
31/12/2009	PC	02/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương		112	500,000,000	
31/12/2009	PC	02/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương		111		500,000,000
31/12/2009	PC	03/12/2009	Nhập kho cá tạp của người nông dân		152	153,596,000	
31/12/2009	PC	03/12/2009	Nhập kho cá tạp của người nông dân		111		153,596,000
31/12/2009	PT	04/12/2009	Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ		111	1,350,000,000	
31/12/2009	PT	04/12/2009	Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ		311		1,350,000,000
						

Biểu 2.9 : Sổ Nhật Ký Chung

CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG
 Cụm CN Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hp

Mẫu số : 01 – TT
 (Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)
 Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Ngày 31/12/2009
 Tài khoản 111 - tiền mặt

NGÀY THÁNG	SỐ CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU	SỐ TIỀN		
	PT	PC			THU	CHI	TÒN QUỸ
			Dư nợ đầu tháng				<u>1,112,627</u>
						
01/12/2009	PT		Thu tiền bán hàng của DN Minh Trường	131	500,584,600		501,697,227
01/12/2009	PT		Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ	1121	182,000,000		683,697,227
02/12/2009		PC	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương	1121		500,000,000	183,697,227
03/12/2009		PC	Nhập kho cá tạp của người nông dân	152		153,596,000	30,101,227
04/12/2009	PT		Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ	311	1,350,000,000		1,380,101,227
15/12/2009		PC	Thanh toán tiền điện thoại mobifone	642 1331		1,714,173 171,420	959,820,666
24/12/2009	PT		Thanh lý xe tải ben (BKS 16H - 6457)	131	35,250,000		995,070,666
						
			Tổng số phát sinh		16,145,721,218	16,145,515,737	
			Số dư cuối tháng				<u>1,318,108</u>

Biểu 2.10 : Sổ Quỹ Tiền Mặt

CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG
 Cụm CN Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hp

Mẫu số : 01 – TT
 (Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)
 Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI
 Tháng 12 năm 2009
 Tài khoản 1111 - Tiền mặt

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		1,112,626.75	
					
31/12/2009	PT	01/12/2009	Thu tiền bán hàng của DN Minh Trường	131	500,584,600	
31/12/2009	PT	01/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ	1121	182,000,000	
31/12/2009	PC	02/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương	1121		500,000,000
31/12/2009	PC	03/12/2009	Nhập kho cá tạp của người nông dân	152		153,596,000
31/12/2009	PT	04/12/2009	Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ	311	1,350,000,000	
31/12/2009	PC	15/12/2009	Thanh toán tiền điện thoại mobifone	642 1331		1,714,1753 171,420
31/12/2009	PT	24/12/2009	Thanh lý xe tải ben (BKS 16H - 6457)	131	35,250,000	
					
			Cộng số phát sinh trong kỳ		16,145,721,218	16,145,515,737
			Số dư cuối năm		1,318,107.75	

Biểu 2.11 : Sổ Cái tiền Mặt

**NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT
NAM CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

Mã GD : DATAB
Mã KH : 54321

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 04/12/2009

Kính gửi : **Công ty TNHH Việt Trường**

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau :

Số tài khoản ghi Có : 071876

Số tiền bằng số : 1.350.000.000

Số tiền bằng chữ : [+]Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn.

Nội dung : ##Vay ngắn hạn về nhập quỹ.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu 2.12 : Giấy báo nợ

**NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT
NAM CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

SỔ PHỤ

Số : 01

Ngày 04/12/2009

Tài khoản : 071876

Công Ty TNHH Việt Trường

DIỄN GIẢI		GHI NỢ	GHI CÓ
	Số dư đầu ngày		679.118.000
Vay ngắn hạn về nhập quỹ		1.350.000.000	
	Tổng phát sinh ngày	1.350.000.000	0
	Số dư cuối ngày		

Biểu 2.13 : Sổ phụ

Công ty TNHH Việt Trường
Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP
ĐT : 0313.742 563 Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 – TT
(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)
Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

Quyển số: 1

Ngày 4 tháng 12 năm 2009

Số : 1

Nợ : 1111

Có : 311

Họ tên người nộp tiền : Nguyễn Thị Thu Hồng

Địa chỉ : Công ty TNHH Việt Trường

Lý do thu : Vay ngắn hạn về nhập quỹ

Số tiền : 1.350.000.000 đồng

(Viết bằng chữ) : Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn.

Chứng từ gốc kèm theo : Chứng từ gốc

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nộp tiền Thủ quỹ

Biểu 2.14 : Phiếu thu

Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm CN Vinh Niệm - LC – HP

ĐT : 0313.742 563

Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
						
31/12/2009	PT	01/12/2009	Thu tiền bán hàng của DN Minh Trường		111	500,584,600	
31/12/2009	PT	01/12/2009	Thu tiền bán hàng của DN Minh Trường		131		500,584,600
31/12/2009	PT	01/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ		111	182,000,000	
31/12/2009	PT	01/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ		112		182,000,000
31/12/2009	PC	02/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương		112	500,000,000	
31/12/2009	PC	02/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương		111		500,000,000
31/12/2009	PC	03/12/2009	Nhập kho cá tạp của người nông dân		152	153,596,000	
31/12/2009	PC	03/12/2009	Nhập kho cá tạp của người nông dân		111		153,596,000
31/12/2009	PT	04/12/2009	Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ		111	1,350,000,000	
31/12/2009	PT	04/12/2009	Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ		311		1,350,000,000
						

Biểu 2.15 : Sổ Nhật Ký Chung

CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG
 Cụm CN Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hp

Mẫu số : 01 – TT
 (Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)
 Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Ngày 31/12/2009

Tài khoản 111 - tiền mặt

NGÀY THÁNG	SỐ CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU	SỐ TIỀN		
	PT	PC			THU	CHI	TÒN QUỸ
			Dư nợ đầu tháng				<u>1,112,627</u>
						
01/12/2009	PT		Thu tiền bán hàng của DN Minh Trường	131	500,584,600		501,697,227
01/12/2009	PT		Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ	1121	182,000,000		683,697,227
02/12/2009		PC	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương	1121		500,000,000	183,697,227
03/12/2009		PC	Nhập kho cá tạp của người nông dân	152		153,596,000	30,101,227
04/12/2009	PT		Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ	311	1,350,000,000		1,380,101,227
15/12/2009		PC	Thanh toán tiền điện thoại mobifone	642 1331		1,714,173 171,420	959,820,666
24/12/2009	PT		Thanh lý xe tải ben (BKS 16H - 6457)	131	35,250,000		995,070,666
						
			Tổng số phát sinh		16,145,721,218	16,145,515,737	
			Số dư cuối tháng				<u>1,318,108</u>

Biểu 2.16 : Sổ Quỹ Tiền Mặt

CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG

Cụm CN Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hp

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tài khoản 1111 - Tiền mặt

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		1,112,626.75	
					
31/12/2009	PT	01/12/2009	Thu tiền bán hàng của DN Minh Trường	131	500,584,600	
31/12/2009	PT	01/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ	1121	182,000,000	
31/12/2009	PC	02/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương	1121		500,000,000
31/12/2009	PC	03/12/2009	Nhập kho cá tạp của người nông dân	152		153,596,000
31/12/2009	PT	04/12/2009	Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ	311	1,350,000,000	
31/12/2009	PC	15/12/2009	Thanh toán tiền điện thoại mobifone	642 1331		1,714,173 171,420
31/12/2009	PT	24/12/2009	Thanh lý xe tải ben (BKS 16H - 6457)	131	35,250,000	
					
			Cộng số phát sinh trong kỳ		16,145,721,218	16,145,515,737
			Số dư cuối năm		1,318,107.75	

Biểu 2.17 : Sổ Cái Tiền Mặt

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

QT/2009B

0095319

Ngày 24 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ: Cụm CN Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại: MS:.....

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH ô tô Hoa Mai

Địa chỉ:

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: MS:

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1×2
1	Xe tải Ben (BKS 16H - 6457)	Cái		310.000.000	310.000.000
Cộng tiền hàng:					310.000.000
Thuế xuất GTGT: % Tiền thuế GTGT :					15.500.000
Tổng cộng tiền thanh toán :					325.500.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

Biểu 2.18 : Hóa đơn giá trị gia tăng

Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC - HP

ĐT : 0313.742 563

Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

Quyển số: 1

Ngày 4 tháng 12 năm 2009

Số : 1

Nợ : 1111

Có : 131

Họ tên người nộp tiền : Nguyễn Thị Thu Hồng

Địa chỉ : Công ty TNHH Việt Trường

Lý do thu : Thanh lý xe ô tô tải (BKS 16H - 6457)

Số tiền : 325.500.000 đồng

(Viết bằng chữ) : Ba trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn.

Chứng từ gốc kèm theo : Chứng từ gốc

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nộp tiền Thủ quỹ

Biểu 2.19 : Phiếu thu

Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

ĐT : 0313.742 563

Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
						
31/12/2009	PT	04/12/2009	Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ		111	1,350,000,000	
31/12/2009	PT	04/12/2009	Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ		311		1,350,000,000
31/12/2009	PC	15/12/2009	Thanh toán tiền điện thoại mobifone		642	1,714,173	
31/12/2009	PC	15/12/2009	Thanh toán tiền điện thoại mobifone		1331	171,420	
31/12/2009	PC	15/12/2009	Thanh toán tiền điện thoại mobifone		111		1,885,593
31/12/2009	PT	24/12/2009	Thanh lý xe tải ben (BKS 16H - 6457)		131	325,500,000	
31/12/2009	PT	24/12/2009	Thanh lý xe tải ben (BKS 16H - 6457)		711		310,000,000
31/12/2009	PT	24/12/2009	Thanh lý xe tải ben (BKS 16H - 6457)		1331		15,500,000
31/12/2009	PT	24/12/2009	Thanh lý xe tải ben (BKS 16H - 6457)		111	35,250,000	
31/12/2009	PT	24/12/2009	Thanh lý xe tải ben (BKS 16H - 6457)		131		35,250,000
						

Biểu 2.20 : Sổ Nhật Ký Chung

CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG
 Cụm CN Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hp

Mẫu số : 01 – TT
 (Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)
 Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Ngày 31/12/2009

Tài khoản 111 - tiền mặt

NGÀY THÁNG	SỐ CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU	SỐ TIỀN		
	PT	PC			THU	CHI	TÒN QUỸ
			Dư nợ đầu tháng				<u>1,112,627</u>
						
01/12/2009	PT		Thu tiền bán hàng của DN Minh Trường	131	500,584,600		501,697,227
01/12/2009	PT		Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ	1121	182,000,000		683,697,227
02/12/2009		PC	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương	1121		500,000,000	183,697,227
03/12/2009		PC	Nhập kho cá tạp của người nông dân	152		153,596,000	30,101,227
04/12/2009	PT		Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ	311	1,350,000,000		1,380,101,227
15/12/2009		PC	Thanh toán tiền điện thoại mobifone	642 1331		1,714,173 171,418	959,820,666
24/12/2009	PT		Thanh lý xe tải ben (BKS 16H - 6457)	131	35,250,000		995,070,666
						
			Tổng số phát sinh		16,145,721,218	16,145,515,737	
			Số dư cuối tháng				<u>1,318,108</u>

Biểu 2.21 : Sổ Quỹ Tiền Mặt

CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG

Cụm CN Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hp

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tài khoản 1111 - Tiền mặt

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		<u>1,112,626.75</u>	
					
31/12/2009	PT	01/12/2009	Thu tiền bán hàng của DN Minh Trường	131	500,584,600	
31/12/2009	PT	01/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ	1121	182,000,000	
31/12/2009	PC	02/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương	1121		500,000,000
31/12/2009	PC	03/12/2009	Nhập kho cá tạp của người nông dân	152		153,596,000
31/12/2009	PT	04/12/2009	Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ	311	1,350,000,000	
31/12/2009	PC	15/12/2009	Thanh toán tiền điện thoại mobifone	642 1331		1,714,175 171,418
31/12/2009	PT	24/12/2009	Thanh lý xe tải ben (BKS 16H - 6457)	131	35,250,000	
					
			Cộng số phát sinh trong kỳ		16,145,721,218	16,145,515,737
			Số dư cuối năm		<u>1,318,107.75</u>	

Biểu 2.22 : Sổ Cái Tiền Mặt

2.1.3.2. Kế toán giảm tiền mặt.

Các nghiệp vụ làm giảm tiền mặt tại công ty TNHH Việt Trường trong tháng 12 năm 2009 (trích một số nghiệp vụ):

- Ngày 2/12/2009 nộp tiền vào tài khoản ngân hàng Công thương chi nhánh Hải Phòng số tiền : 500.000.000 đồng.

Nợ TK 1121 : 500.000.000

Có TK 1111 : 500.000.000

- Ngày 3/12/2009 nhập kho cá tạp nguyên liệu từ người nông dân ở Quảng Ngãi số tiền là 153.596.000 đồng.

Nợ TK 152 : 153.596.000

Có TK 331 : 153.596.000

Nợ TK 331 : 153.596.000

Có TK 1111 : 153.596.000

- Ngày 15/12/2009 thanh toán tiền cước điện thoại mobifone tháng 11 số tiền là : 1.885.593 đồng.

Nợ TK 642 : 1.714.173

Nợ TK 1331 : 171.420

Có TK 1111 : 1.885.593

Công ty TNHH Việt Trường
Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC - HP
ĐT : 0313.742 563 Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 – TT
(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)
Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 19 tháng 12 năm 2009

Quyển số: 01

Số: 36

Nợ : 1121

1.530.000.000

Có : 1111

1.530.000.000

Họ tên người nhận tiền : Nguyễn Thị Thu Hồng

Địa chỉ : Phòng kế toán

Lý do thu : Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng Công thương chi nhánh Hải Phòng

Số tiền : 500.000.000 đồng

(Viết bằng chữ) : Năm trăm triệu đồng chẵn

Chứng từ gốc kèm theo :

Chứng từ gốc

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nộp tiền Thủ quỹ

Biểu 2.23 : Phiếu chi

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Mã GDV : DATAB
Mã KH : 54321

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 02/12/2009

Kính gửi : Công ty TNHH Việt Trường

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có : 071876

Số tiền bằng số : 500.000.000

Số tiền bằng chữ : Năm trăm triệu đồng chẵn

Nội dung : Nộp tiền vào tài khoản

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu 2.24 : Giấy báo có

**NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

SỔ PHỤ

Ngày 02/12/2009

Tài khoản : 071876

Công ty TNHH Việt Trường

DIỄN GIẢI	GHI NỢ	GHI CÓ
Số dư đầu ngày		179.118.000
Nộp tiền vào tài khoản		500.000.000
Tổng phát sinh ngày	0	500.000.000
Số dư cuối ngày		679.118.000

Biểu 2.25 : Sổ phụ

Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

ĐT : 0313.742 563

Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

Sổ Nhật Ký Chung

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
						
31/12/2009	PT	01/12/2009	Thu tiền bán hàng của DN Minh Trường		111	500,584,600	
31/12/2009	PT	01/12/2009	Thu tiền bán hàng của DN Minh Trường		131		500,584,600
31/12/2009	PT	01/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ		111	182,000,000	
31/12/2009	PT	01/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ		112		182,000,000
31/12/2009	PC	02/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương		112	500,000,000	
31/12/2009	PC	02/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương		111		500,000,000
31/12/2009	PC	03/12/2009	Nhập kho cá tạp của người nông dân		152	153,596,000	
31/12/2009	PC	03/12/2009	Nhập kho cá tạp của người nông dân		111		153,596,000
31/12/2009	PT	04/12/2009	Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ		111	1,350,000,000	
31/12/2009	PT	04/12/2009	Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ		311		1,350,000,000
						

Biểu 2.26 : Sổ Nhật Ký Chung

CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG
 Cụm CN Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hp

Mẫu số : 01 – TT
 (Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)
 Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Ngày 31/12/2009
 Tài khoản 111 - tiền mặt

NGÀY THÁNG	SỐ CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU	SỐ TIỀN		
	PT	PC			THU	CHI	TÒN QUỸ
			Dư nợ đầu tháng				<u>1,112,627</u>
						
01/12/2009	PT		Thu tiền bán hàng của DN Minh Trường	131	500,584,600		501,697,227
01/12/2009	PT		Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ	1121	182,000,000		683,697,227
02/12/2009		PC	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương	1121		500,000,000	183,697,227
03/12/2009		PC	Nhập kho cá tạp của người nông dân	152		153,596,000	30,101,227
04/12/2009	PT		Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ	311	1,350,000,000		1,380,101,227
15/12/2009		PC	Thanh toán tiền điện thoại mobifone	642 1331		1,714,173 171,420	959,820,666
24/12/2009	PT		Thanh lý xe tải ben (BKS 16H - 6457)	131	35,250,000		995,070,666
						
			Tổng số phát sinh		16,145,721,218	16,145,515,737	
			Số dư cuối tháng				<u>1,318,108</u>

Biểu 2.27 : Sổ Quỹ Tiền Mặt

CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG

Cụm CN Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hp

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tài khoản 1111 - Tiền mặt

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		<u>1,112,626.75</u>	
					
31/12/2009	PT	01/12/2009	Thu tiền bán hàng của DN Minh Trường	131	500,584,600	
31/12/2009	PT	01/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ	1121	182,000,000	
31/12/2009	PC	02/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương	1121		500,000,000
31/12/2009	PC	03/12/2009	Nhập kho cá tạp của người nông dân	152		153,596,000
31/12/2009	PT	04/12/2009	Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ	311	1,350,000,000	
31/12/2009	PC	15/12/2009	Thanh toán tiền điện thoại mobifone	642 1331		1,714,173 171,420
31/12/2009	PT	24/12/2009	Thanh lý xe tải ben (BKS 16H - 6457)	131	35,250,000	
					
			Cộng số phát sinh trong kỳ		16,145,721,218	16,145,515,737
			Số dư cuối năm		<u>1,318,107.75</u>	

BIỂU 2.28 : SỔ CÁI TIỀN MẶT

PHIẾU THU MUA HÀNG NÔNG LÂM THỦY SẢN

Ngày 03 tháng 12 năm 2009

Họ tên người mua hàng : Phạm Thị Lượ

Tên đơn vị : Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hải Phòng

Điện thoại : 031.3742563

Họ tên người bán hàng : Phạm Chí Trung

Địa chỉ : Nghĩa An – Tư Nghĩa – Quảng Ngãi

Số CMND : 21116262

Hình thức thanh toán : Tiền mặt

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cá tạp	Kg	32.680	4.700	153.596.000
Cộng tiền hàng					153.596.000
Số tiền bằng chữ: Một trăm năm mươi ba triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng					

Biểu 2.29 : Phiếu thu mua NVL

Công ty TNHH Việt Trường
Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC - HP
ĐT : 0313.742 563 Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 – TT
(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)
Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Quyển số: 01

Số: 36

Nợ : 331 153.596.000

Có : 1111 153.596.000

Họ tên người nhận tiền : Nguyễn Thị Thu Hồng

Địa chỉ : Phòng kế toán

Lý do thu : Chi tiền mua nguyên vật liệu

Số tiền : 153.596.000 đồng

(Viết bằng chữ) : Một trăm năm mươi ba triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng.

Chứng từ gốc kèm theo :

Chứng từ gốc

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nộp tiền Thủ quỹ

Biểu 2.30 : Phiếu chi

Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

ĐT : 0313.742 563

Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
						
31/12/2009	PT	01/12/2009	Thu tiền bán hàng của DN Minh Trường		111	500,584,600	
31/12/2009	PT	01/12/2009	Thu tiền bán hàng của DN Minh Trường		131		500,584,600
31/12/2009	PT	01/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ		111	182,000,000	
31/12/2009	PT	01/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ		112		182,000,000
31/12/2009	PC	02/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương		112	500,000,000	
31/12/2009	PC	02/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương		111		500,000,000
31/12/2009	PC	03/12/2009	Nhập kho cá tạp của người nông dân		152	153,596,000	
31/12/2009	PC	03/12/2009	Nhập kho cá tạp của người nông dân		111		153,596,000
31/12/2009	PT	04/12/2009	Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ		111	1,350,000,000	
31/12/2009	PT	04/12/2009	Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ		311		1,350,000,000
						

Biểu 2.31 : Sổ Nhật Ký Chung

CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG
 Cụm CN Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hp

Mẫu số : 01 – TT
 (Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)
 Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Ngày 31/12/2009

Tài khoản 111 - tiền mặt

NGÀY THÁNG	SỐ CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU	SỐ TIỀN		
	PT	PC			THU	CHI	TÒN QUỸ
			Dư nợ đầu tháng				<u>1,112,627</u>
						
01/12/2009	PT		Thu tiền bán hàng của DN Minh Trường	131	500,584,600		501,697,227
01/12/2009	PT		Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ	1121	182,000,000		683,697,227
02/12/2009		PC	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương	1121		500,000,000	183,697,227
03/12/2009		PC	Nhập kho cá tạp của người nông dân	152		153,596,000	30,101,227
04/12/2009	PT		Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ	311	1,350,000,000		1,380,101,227
15/12/2009		PC	Thanh toán tiền điện thoại mobifone	642 1331		1,714,173 171,420	959,820,666
24/12/2009	PT		Thanh lý xe tải ben (BKS 16H - 6457)	131	35,250,000		995,070,666
						
			Tổng số phát sinh		16,145,721,218	16,145,515,737	
			Số dư cuối tháng				<u>1,318,108</u>

Biểu 2.32 : Sổ Quỹ Tiền Mặt

CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG

Cụm CN Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hp

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tài khoản 1111 - Tiền mặt

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		<u>1,112,626.75</u>	
					
31/12/2009	PT	01/12/2009	Thu tiền bán hàng của DN Minh Trường	131	500,584,600	
31/12/2009	PT	01/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ	1121	182,000,000	
31/12/2009	PC	02/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương	1121		500,000,000
31/12/2009	PC	03/12/2009	Nhập kho cá tạp của người nông dân	152		153,596,000
31/12/2009	PT	04/12/2009	Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ	311	1,350,000,000	
31/12/2009	PC	15/12/2009	Thanh toán tiền điện thoại mobifone	642 1331		1,714,175 171,418
31/12/2009	PT	24/12/2009	Thanh lý xe tải ben (BKS 16H - 6457)	131	35,250,000	
					
			Cộng số phát sinh trong kỳ		16,145,721,218	16,145,515,737
			Số dư cuối năm		<u>1,318,107.75</u>	

Biểu 2.33 : Sổ Cái Tiền Mặt

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

QT/2009B

0095389

Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Công ty điện thoại Mobifone

Địa chỉ:

Số tài khoản:

Điện thoại: MS:.....

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt MS:

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1×2
1	Cước gọi tháng 11				1.714.173
Cộng tiền hàng:					1.714.173
Thuế xuất GTGT: 5 % Tiền thuế GTGT :					171.420
Tổng cộng tiền thanh toán :					1.885.593
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn năm chín mươi ba đồng.					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

Biểu 2.34 : Hóa Đơn GTGT

Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

ĐT : 0313.742 563

Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Quyển số: 01

Số: 36

Nợ : 6422 1.714.173

Nợ : 1331 171.420

Có : 1111 1.885.593

Họ tên người nhận tiền : Nguyễn Thị Thu Hồng

Địa chỉ : Phòng kế toán

Lý do thu : Chi trả tiền cước điện thoại Mobifone tháng 11/2009

Số tiền : 1.885.593 đồng

(Viết bằng chữ) : Một triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm chín mươi ba đồng.

Chứng từ gốc kèm theo :

Chứng từ gốc

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nộp tiền Thủ quỹ

Biểu 2.35 : Phiếu chi

Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC - HP

ĐT : 0313.742 563

Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 - TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
						
31/12/2009	PT	04/12/2009	Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ		111	1,350,000,000	
31/12/2009	PT	04/12/2009	Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ		311		1,350,000,000
31/12/2009	PC	15/12/2009	Thanh toán tiền điện thoại mobifone		642	1,714,173	
31/12/2009	PC	15/12/2009	Thanh toán tiền điện thoại mobifone		1331	171,420	
31/12/2009	PC	15/12/2009	Thanh toán tiền điện thoại mobifone		111		1,885,593
31/12/2009	PT	24/12/2009	Thanh lý xe tải ben (BKS 16H - 6457)		131	325,500,000	
31/12/2009	PT	24/12/2009	Thanh lý xe tải ben (BKS 16H - 6457)		711		310,000,000
31/12/2009	PT	24/12/2009	Thanh lý xe tải ben (BKS 16H - 6457)		1331		15,500,000
31/12/2009	PT	24/12/2009	Thanh lý xe tải ben (BKS 16H - 6457)		111	35,250,000	
31/12/2009	PT	24/12/2009	Thanh lý xe tải ben (BKS 16H - 6457)		131		35,250,000
						

Biểu 2.36 : Sổ Nhật Ký Chung

CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG
 Cụm CN Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hp

Mẫu số : 01 – TT
 (Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)
 Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Ngày 31/12/2009

Tài khoản 111 - tiền mặt

NGÀY THÁNG	SỐ CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SỐ HIỆU	SỐ TIỀN		
	PT	PC			THU	CHI	TÒN QUỸ
			Dư nợ đầu tháng				<u>1,112,627</u>
						
01/12/2009	PT		Thu tiền bán hàng của DN Minh Trường	131	500,584,600		501,697,227
01/12/2009	PT		Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ	1121	182,000,000		683,697,227
02/12/2009		PC	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương	1121		500,000,000	183,697,227
03/12/2009		PC	Nhập kho cá tạp của người nông dân	152		153,596,000	30,101,227
04/12/2009	PT		Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ	311	1,350,000,000		1,380,101,227
15/12/2009		PC	Thanh toán tiền điện thoại mobifone	642 1331		1,714,173 171,420	959,820,666
24/12/2009	PT		Thanh lý xe tải ben (BKS 16H - 6457)	131	35,250,000		995,070,666
						
			Tổng số phát sinh		16,145,721,218	16,145,515,737	
			Số dư cuối tháng				<u>1,318,108</u>

Biểu 2.37 : Sổ quỹ tiền mặt

CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG

Cụm CN Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hp

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tài khoản 1111 - Tiền mặt

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		<u>1,112,626.75</u>	
					
31/12/2009	PT	01/12/2009	Thu tiền bán hàng của DN Minh Trường	131	500,584,600	
31/12/2009	PT	01/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ	1121	182,000,000	
31/12/2009	PC	02/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương	1121		500,000,000
31/12/2009	PC	03/12/2009	Nhập kho cá tạp của người nông dân	152		153,596,000
31/12/2009	PT	04/12/2009	Vay ngắn hạn NH Công thương về nhập quỹ	311	1,350,000,000	
31/12/2009	PC	15/12/2009	Thanh toán tiền điện thoại mobifone	642 1331		1,714,173 171,420
31/12/2009	PT	24/12/2009	Thanh lý xe tải ben (BKS 16H-6457)	131	35,250,000	
					
			Cộng số phát sinh trong kỳ		16,145,721,218	16,145,515,737
			Số dư cuối năm		<u>1,318,107.75</u>	

Biểu 2.38 : Sổ cái tiền mặt

2.1.4. Đối chiếu, kiểm tra và điều chỉnh các nghiệp vụ phát sinh tiền mặt tại quỹ.

- Việc quản lý tiền mặt tại két bạc càng tốt thì càng hạn chế được sự mất mát thiếu hụt, chênh lệch với sổ sách. Song, cho dù thủ quỹ có cẩn thận thế nào chăng nữa thì việc thừa hay thiếu tiền mặt vẫn có thể xảy ra.

- Khi nhận hoặc chi tiền, thông thường số lượng tiền phát sinh rất nhiều, thủ quỹ không kiểm soát được một cách chặt chẽ số lượng tiền mà mình đã nhận hoặc đã chi như : không đếm hết được hoặc không kiểm soát được số nghiệp vụ phát sinh do có sự chênh lệch rất ít qua mỗi nghiệp vụ mà số phát sinh lại quá nhiều.

- Do những nguyên nhân về mặt kỹ thuật như máy đếm tiền, có thể bị trục trặc hoặc không phân biệt được những tờ tiền cùng chủng loại.

- Do kế toán chi tiết vốn bằng tiền không phản ánh hết tất cả các nghiệp vụ phát sinh trong ngày, hoặc cũng bị nhầm lẫn khi số liệu phản ánh một nghiệp vụ phát sinh nào đó mà chưa phát hiện được kịp thời.

Chính vì vậy việc kiểm tra đối chiếu số tiền thực tế còn tồn quỹ và trên sổ sách giữa hai bên nhân viên kế toán và thủ quỹ là hết sức cần thiết. Có như vậy mới có khả năng phát hiện kịp thời những chênh lệch sai sót có thể xảy ra.

Khi xảy ra tình trạng chênh lệch, nhân viên kế toán phải kiểm tra lại số phát sinh của từng nghiệp vụ trên sổ sách của mình trong kỳ, sau đó hai bên đối chiếu nhau để đi đến một sự thống nhất. Khi đó tùy vào sự sai lệch ở khâu nào, của ai thì người đó có trách nhiệm điều chỉnh lại trên sổ sách của mình. Nếu sai sót thuộc về thủ quỹ thì thủ quỹ phải điều chỉnh lại số liệu trên sổ quỹ cho đúng với thực tế. Nếu sai sót thuộc về nhân viên kế toán thì nhân viên đó phải điều chỉnh lại số liệu trên sổ kế toán chi tiết, nhật ký chung tương ứng để máy điều chỉnh lại số liệu trên các sổ kế toán mà máy đã tự động trích ra. Nếu có các chứng từ, sổ sách mà nhân viên kế toán đã chuyển đi nơi khác thì tiến hành lập biên bản, lập sổ nhật ký chung mới điều chỉnh lại số cũ.

Trường hợp hai bên sổ sách cùng thống nhất số liệu với nhau nhưng vẫn chênh lệch với số tiền thực tế còn tồn quỹ khi kiểm kê, thì hai bên lập biên bản với số chênh lệch đó và nhân viên kế toán sẽ có trách nhiệm phản ánh số chênh lệch đó vào sổ kế toán.

Nếu chênh lệch thực tế tăng so với sổ sách, kế toán ghi :

Nợ TK 1111 :

Có TK 3381 : Số tiền chênh lệch

Nếu chênh lệch thực tế giảm so với sổ sách, kế toán ghi :

Nợ TK 1381 : Số tiền chênh lệch

Có TK 1111 :

Sau đó trình lên cấp trên để tìm ra nguyên nhân và biện pháp giải quyết. Trường hợp sổ sách của kế toán và thủ quỹ đã thống nhất với nhau về số liệu cùng với thực tế còn tồn ở kết bạc, để đảm bảo kế toán và thủ quỹ cần xem xét lại các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ để có thể tìm thấy những sai sót chênh lệch đáng tiếc. Khi phát hiện chênh lệch giữa sổ sách phản ánh và thực tế phát sinh mà trên sổ sách và thực tế tồn quỹ đồng nhất, kế toán điều chỉnh lại các nghiệp vụ đã ghi sổ đồng thời phản ánh số chênh lệch đó như trên (tùy vào từng trường hợp cụ thể).

2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty.

Tiền gửi ngân hàng phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi tại Ngân hàng của công ty. Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Nếu đúng rồi thì kế toán căn cứ vào chứng từ gốc để nhập số liệu vào máy tính.

2.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

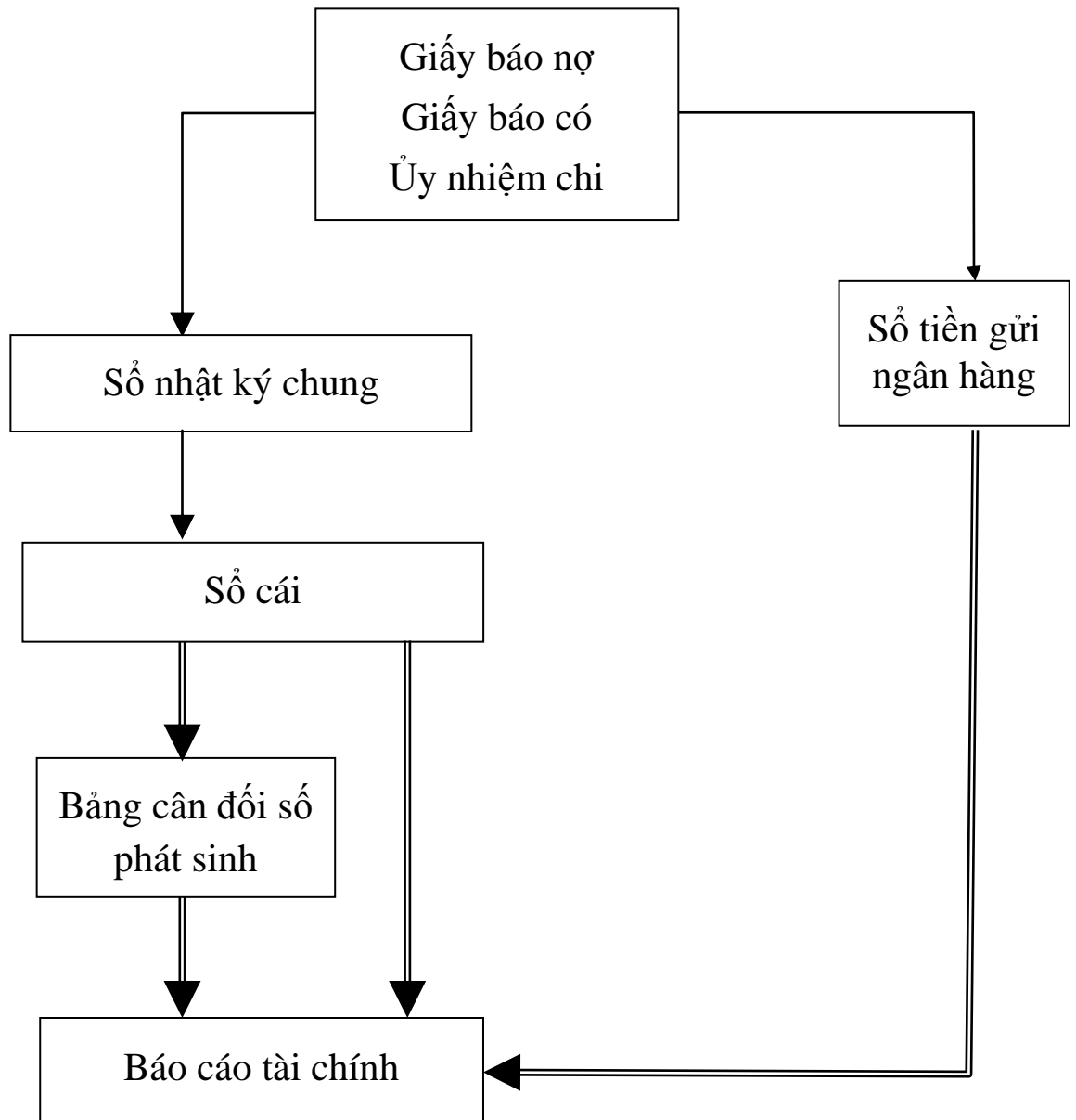
- Cung như phần lý luận công ty sử dụng các chứng từ như : Giấy báo nợ, Giấy báo có, Ủy nhiệm chi và các chứng từ khác có liên quan.

2.2.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.

- Tài khoản 112 : Tiền gửi ngân hàng.
- Và các tài khoản khác có liên quan.

2.2.3. Sơ đồ luân chuyển tiền gửi ngân hàng.

Hàng ngày khi có nghiệp vụ liên quan đến tiền, kế toán nhập số liệu vào máy tính. Sau đó các hóa đơn chứng từ liên quan đến vốn bằng tiền sẽ xuất hiện như giấy báo nợ, giấy báo có, ủy nhiệm chi... Phần mềm kế toán sẽ tự động vào Sổ tiền gửi ngân hàng, Sổ cái TK 112



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: 

Ghi cuối tháng: 

**Sơ đồ 2.2: Quy trình hạch toán tiền gửi ngân hàng
tại công ty TNHH Việt Trường.**

2.2.3.1. Kế toán tăng tiền gửi.

Một số nghiệp vụ tăng tiền gửi ngân hàng trong tháng 12/2009 (trích một số nghiệp vụ):

- Ngày 2/12/2009 nộp tiền vào tài khoản ngân hàng Công thương chi nhánh Hải Phòng số tiền là : 500.000.000 đồng

Nợ TK 1121 : 500.000.000

Có TK 1111 : 500.000.000

- Ngày 4/12/2009 Công ty Nam Chinh trả tiền hàng số tiền là : 65.00.000 đồng

Nợ TK 1121 : 65.000.000

Có TK 131 : 65.000.000

**NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

Mã GDV : DATAB
Mã KH : 54321

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 02/12/2009

Kính gửi : **Công ty TNHH Việt Trường**

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có : 071876

Số tiền bằng số : 500.000.000

Số tiền bằng chữ : Năm trăm triệu đồng chẵn.

Nội dung : Nộp tiền vào tài khoản

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu 2.39 : Giấy báo có

**NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

SỔ PHỤ

Ngày 02/12/2009

Tài khoản : 071876

Công ty TNHH Việt Trường

DIỄN GIẢI	GHI NỢ	GHI CÓ
		179.118.000
Số dư đầu ngày		
Nộp tiền vào tài khoản		500.000.000
Tổng phát sinh ngày	0	500.000.000
Số dư cuối ngày		679.118.000

Biểu 2.40 : Sổ phụ

Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

ĐT : 0313.742 563

Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
						
31/12/2009	PT	01/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ		111	82,000,000	
31/12/2009	PT	01/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ		112		82,000,000
31/12/2009	PT	02/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công thương		112	500,000,000	
31/12/2009	PT	02/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công thương		111		500,000,000
31/12/2009	PT	03/12/2009	Trích tài khoản NH Công thương trả vay ngắn hạn		311	240,000,000	
31/12/2009	PT	03/12/2009	Trích tài khoản NH Công thương trả vay ngắn hạn		112		240,000,000
31/12/2009	PT	04/12/2009	Công ty Nam Chinh trả tiền hàng		112	65,000,000	
31/12/2009	PT	04/12/2009	Công ty Nam Chinh trả tiền hàng		131		65,000,000
						

Biểu 2.41 : Sổ Nhật Ký Chung

Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

ĐT : 0313.742 563

Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Ngày 31/12/2009

Tài khoản 112 - tiền gửi Ngân hàng

SỐ CT			DIỄN GIẢI	TK ĐỐI ỨNG	SỐ TIỀN		SỐ DƯ
NGÀY	GỬI	RÚT			GỬI	RÚT	
			Dư nợ đầu năm				<u>121,727,379</u>
						
1/12/2009	NH		Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ	112		82,000,000	39,727,379
2/12/2009		PC	Nộp tiền vào tài khoản NH Công thương	112	500,000,000		539,727,379
3/12/2009	NH		Trích tài khoản NH Công thương trả vay ngắn hạn	311		240,000,000	299,727,379
4/12/2009		PC	Công ty Nam Chinh trả tiền hàng	131	65,000,000		234,727,379
						
			Tổng số phát sinh		<u>19,482,950,411</u>	<u>19,453,396,136</u>	
			Số dư cuối năm				<u>151,281,654</u>

Biểu 2.42 : Sổ Tiền Gửi Ngân Hàng

Công ty TNHH Việt Trường
 Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP
 ĐT : 0313.742 563 Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 – TT
 (Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)
 Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009
 Tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		<u>121,727,379</u>	
					
31/12/2009	NH	1/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ	112		182,000,000
31/12/2009	PC	2/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công thương	112	500,000,000	
31/12/2009	NH	3/12/2009	Trích tài khoản NH Công thương trả vay ngắn hạn	311		240,000,000
31/12/2009	PC	4/12/2009	Công ty Nam Chinh trả tiền hàng	131	65,000,000	
					
			Cộng số phát sinh trong kỳ		<u>19,482,950,411</u>	<u>19,453,396,136</u>
			Số dư cuối năm		<u>151,281,654</u>	

Biểu 2.43 : Sổ Cái Tài Khoản TGNH

**NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

Mã GDV : DATAB
Mã KH : 54321

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 04/12/2009

Kính gửi : **Công ty TNHH Việt Trường**

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có : 071876

Số tiền bằng số : 65.000.000

Số tiền bằng chữ : Sáu mươi lăm triệu đồng chẵn.

Nội dung : Công ty Nam Chinh trả tiền hàng.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu 2.44 : Giấy báo có

**NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

SỔ PHỤ

Ngày 04/12/2009

Tài khoản : 071876

Công ty TNHH Việt Trường

DIỄN GIẢI		GHI NỢ	GHI CÓ
	Số dư đầu ngày		279.118.000
Công ty Nam			
Chinh trả tiền	65.000.000		
	Tổng phát sinh ngày	0	65.000.000
	Số dư cuối ngày		344.118.000

Biểu 2.45 : Sổ Phụ

Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

ĐT : 0313.742 563

Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
						
31/12/2009	PT	01/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ		111	82,000,000	
31/12/2009	PT	01/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ		112		82,000,000
31/12/2009	PT	02/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công thương		112	500,000,000	
31/12/2009	PT	02/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công thương		111		500,000,000
31/12/2009	PT	03/12/2009	Trích tài khoản NH Công thương trả vay ngắn hạn		311	240,000,000	
31/12/2009	PT	03/12/2009	Trích tài khoản NH Công thương trả vay ngắn hạn		112		240,000,000
31/12/2009	PT	04/12/2009	Công ty Nam Chinh trả tiền hàng		112	65,000,000	
31/12/2009	PT	04/12/2009	Công ty Nam Chinh trả tiền hàng		131		65,000,000
						

Biểu 2.46 : Sổ Nhật Ký Chung

Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

ĐT : 0313.742 563

Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Ngày 31/12/2009

Tài khoản 112 - tiền gửi Ngân hàng

SỐ CT			DIỄN GIẢI	TK ĐỐI ỨNG	SỐ TIỀN		SỐ DƯ
NGÀY	GỬI	RÚT			GỬI	RÚT	
			Dư nợ đầu năm				<u>121,727,379</u>
						
1/12/2009	NH		Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ	112		82,000,000	39,727,379
2/12/2009		PC	Nộp tiền vào tài khoản NH Công thương	112	500,000,000		539,727,379
3/12/2009	NH		Trích tài khoản NH Công thương trả vay ngắn hạn	311		240,000,000	299,727,379
4/12/2009		PC	Công ty Nam Chinh trả tiền hàng	131	65,000,000		234,727,379
						
			Tổng số phát sinh		<u>19,482,950,411</u>	<u>19,453,396,136</u>	
			Số dư cuối năm				<u>151,281,654</u>

Biểu 2.47 : Sổ Tiền Gửi Ngân Hàng

Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

ĐT : 0313.742 563

Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		<u>121,727,379</u>	
					
31/12/2009	NH	1/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ	112		182,000,000
31/12/2009	PC	2/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công thương	112	500,000,000	
31/12/2009	NH	3/12/2009	Trích tài khoản NH Công thương trả vay ngắn hạn	311		240,000,000
31/12/2009	PC	4/12/2009	Công ty Nam Chinh trả tiền hàng	131	65,000,000	
					
			Cộng số phát sinh trong kỳ		<u>19,482,950,411</u>	<u>19,453,396,136</u>
			Số dư cuối năm		<u>151,281,654</u>	

Biểu 2.48 : Sổ Cái Tài Khoản TGNH

2.2.3.2. Kế toán giảm tiền gửi.

Một số nghiệp vụ giảm tiền gửi ngân hàng trong tháng 12/2009 (trích một số nghiệp vụ) :

- Ngày 1/12/2009 Rút tiền gửi ngân hàng thương mại cổ phần Dầu khí về nhập quỹ : 182.000.000 đồng

Nợ TK 1111 : 82.000.000

Có TK 1121 : 82.000.000

- Ngày 3/12/2009 Trích tài khoản ngân hàng Công thương chi nhánh Hải Phòng trả tiền vay ngắn hạn : 240.000.000 đồng

Nợ TK 311 : 240.000.000

Có TK 1121 : 240.000.000

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN DẦU KHÍ**

Mã GDV : BATCH
Mã KH : 12345

GIẤY BÁO NỢ

Số GD : 01

Ngày 01/12/2009

Kính gửi : **Công ty TNHH Việt Trường**

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi có : 3629417

Số tiền bằng số : 82.000.000

Số tiền bằng chữ :[+]Một trăm tám mươi hai triệu đồng chẵn.

Nội dung : ##Rút tiền về nhập quỹ.

Biểu 2.49 : Giấy báo nợ

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN DẦU KHÍ**

SỔ PHỤ

Số : 01

Ngày 01/12/2009

Tài khoản: 3629417

Công ty TNHH Việt Trường

DIỄN GIẢI	GHI NỢ	GHI CÓ
Số dư đầu ngày		450.179.118
##Rút tiền về nhập quỹ	82.000.000	
Tổng phát sinh ngày	82.000.000	0
Số dư cuối ngày		368.179.118
SỔ PHỤ		KIỂM SOÁT

Biểu 2.50 : Sổ phụ

Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

ĐT : 0313.742 563

Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
						
31/12/2009	PT	01/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ		111	82,000,000	
31/12/2009	PT	01/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ		112		82,000,000
31/12/2009	PT	02/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công thương		112	500,000,000	
31/12/2009	PT	02/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công thương		111		500,000,000
31/12/2009	PT	03/12/2009	Trích tài khoản NH Công thương trả vay ngắn hạn		311	240,000,000	
31/12/2009	PT	03/12/2009	Trích tài khoản NH Công thương trả vay ngắn hạn		112		240,000,000
31/12/2009	PT	04/12/2009	Công ty Nam Chinh trả tiền hàng		112	65,000,000	
31/12/2009	PT	04/12/2009	Công ty Nam Chinh trả tiền hàng		131		65,000,000
						

Biểu 2.51 : Sổ Nhật Ký Chung

Công ty TNHH Việt Trường
 Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP
 ĐT : 0313.742 563 Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 – TT
 (Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)
 Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Ngày 31/12/2009

Tài khoản 112 - tiền gửi Ngân hàng

SỐ CT			DIỄN GIẢI	TK ĐỐI ỨNG	SỐ TIỀN		SỐ DƯ
NGÀY	GỬI	RÚT			GỬI	RÚT	
			Dư nợ đầu năm				<u>121,727,379</u>
						
1/12/2009	NH		Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ	112		82,000,000	39,727,379
2/12/2009		PC	Nộp tiền vào tài khoản NH Công thương	112	500,000,000		539,727,379
3/12/2009	NH		Trích tài khoản NH Công thương trả vay ngắn hạn	311		240,000,000	299,727,379
4/12/2009		PC	Công ty Nam Chinh trả tiền hàng	131	65,000,000		234,727,379
						
			Tổng số phát sinh		<u>19,482,950,411</u>	<u>19,453,396,136</u>	
			Số dư cuối năm				<u>151,281,654</u>

Biểu : 2.52 : Sổ tiền Gửi Ngân Hàng

Công ty TNHH Việt Trường
 Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP
 ĐT : 0313.742 563 Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 – TT
 (Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)
 Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009
 Tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		<u>121,727,379</u>	
					
31/12/2009	NH	1/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ	112		182,000,000
31/12/2009	PC	2/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công thương	112	500,000,000	
31/12/2009	NH	3/12/2009	Trích tài khoản NH Công thương trả vay ngắn hạn	311		240,000,000
31/12/2009	PC	4/12/2009	Công ty Nam Chinh trả tiền hàng	131	65,000,000	
					
			Cộng số phát sinh trong kỳ		<u>19,482,950,411</u>	<u>19,453,396,136</u>
			Số dư cuối năm		<u>151,281,654</u>	

Biểu 2.53 : Sổ Cái Tài Khoản TGNH

**NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

Mã GDV : DATAB
Mã KH : 54321

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 03/12/2009

Kính gửi : **Công ty TNHH Việt Trường**

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau :

Số tài khoản ghi Có : 071876

Số tiền bằng số : 240.000.000

Số tiền bằng chữ : [+]Hai trăm bốn mươi triệu đồng chẵn.

Nội dung : ##Trích tiền gửi ngân hàng trả nợ vay ngắn hạn.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu 2.54 : Giấy báo nợ

**NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

SỔ PHỤ

Số : 01

Ngày 03/12/2009

Tài khoản : 071876

Công Ty TNHH Việt Trường

DIỄN GIẢI	GHI NỢ	GHI CÓ
	Số dư đầu ngày	459.118.000
Trích tiền gửi NH trả nợ vay ngắn hạn	240.000.000	
	Tổng phát sinh ngày	0
	Số dư cuối ngày	279.118.000

Biểu 2.55 : Sổ phụ

Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

ĐT : 0313.742 563

Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
						
31/12/2009	PT	01/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ		111	82,000,000	
31/12/2009	PT	01/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ		112		82,000,000
31/12/2009	PT	02/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công thương		112	500,000,000	
31/12/2009	PT	02/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công thương		111		500,000,000
31/12/2009	PT	03/12/2009	Trích tài khoản NH Công thương trả vay ngắn hạn		311	240,000,000	
31/12/2009	PT	03/12/2009	Trích tài khoản NH Công thương trả vay ngắn hạn		112		240,000,000
31/12/2009	PT	04/12/2009	Công ty Nam Chinh trả tiền hàng		112	65,000,000	
31/12/2009	PT	04/12/2009	Công ty Nam Chinh trả tiền hàng		131		65,000,000
						

BIỂU 2.56 : SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

ĐT : 0313.742 563

Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Ngày 31/12/2009

Tài khoản 112 - tiền gửi Ngân hàng

SỐ CT			DIỄN GIẢI	TK ĐỐI ỨNG	SỐ TIỀN		SỐ DƯ
NGÀY	GỬI	RÚT			GỬI	RÚT	
			Dư nợ đầu năm				<u>121,727,379</u>
						
1/12/2009	NH		Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ	112		82,000,000	39,727,379
2/12/2009		PC	Nộp tiền vào tài khoản NH Công thương	112	500,000,000		539,727,379
3/12/2009	NH		Trích tài khoản NH Công thương trả vay ngắn hạn	311		240,000,000	299,727,379
4/12/2009		PC	Công ty Nam Chinh trả tiền hàng	131	65,000,000		234,727,379
						
			Tổng số phát sinh		<u>19,482,950,411</u>	<u>19,453,396,136</u>	
			Số dư cuối năm				<u>151,281,654</u>

Biểu 2.57 : Sổ Tiền Gửi Ngân Hàng

Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC - HP

ĐT : 0313.742 563

Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 01 - TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2009

Tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		<u>121,727,379</u>	
					
31/12/2009	NH	1/12/2009	Rút tiền gửi NH Dầu khí về nhập quỹ	112		182,000,000
31/12/2009	PC	2/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản NH Công thương	112	500,000,000	
31/12/2009	NH	3/12/2009	Trích tài khoản NH Công thương trả vay ngắn hạn	311		240,000,000
31/12/2009	PC	4/12/2009	Công ty Nam Chinh trả tiền hàng	131	65,000,000	
					
			Cộng số phát sinh trong kỳ		<u>19,482,950,411</u>	<u>19,453,396,136</u>
			Số dư cuối năm		<u>151,281,654</u>	

Biểu 2.59 : Sổ cái TK 112

2.2.4. Đối chiếu, kiểm tra các nghiệp vụ phát sinh tiền gửi ngân hàng.

Việc kiểm tra, đối chiếu và điều chỉnh trên tài khoản TGNH nhằm đảm bảo sự thống nhất số tiền đã phát sinh và hiện còn dư tại tài khoản tiền gửi giữa sổ sách của ngân hàng và sổ sách của nhân viên kế toán của công ty.

Thông thường mỗi khi nhận được giấy báo có của ngân hàng về nghiệp vụ phát sinh trên tài khoản tiền gửi ngân hàng của công ty, nhân viên kế toán sẽ đối chiếu các chứng từ, sổ sách của ngân hàng về số phát sinh, số dư của tài khoản. Do cả hai bên cùng quản lý những số liệu phát sinh trên cùng một tài khoản duy nhất qua hệ thống tài khoản khác nhau nên cả hai đều cố gắng không để tình trạng chênh lệch xảy ra và thực tế ở công ty vẫn chưa xảy ra tình trạng này.

Tuy nhiên dù rất cẩn thận trong công tác hạch toán cũng như việc ghi sổ và hệ thống kiểm soát rất có hiệu quả của ngân hàng và ở đơn vị mở tài khoản, song khi công việc và nghiệp vụ phát sinh nhiều thì tình trạng nhầm lẫn vẫn có thể xảy ra. Khi có sự chênh lệch, dù cho là nguyên nhân gì, phát sinh ở khâu nào thì hai bên cũng cần có sự đối chiếu, kiểm tra sổ sách để tiến tới thống nhất về số phát sinh cũng như số dư thực tế của đơn vị, từ đó có thể kịp thời điều chỉnh sổ sách của mỗi bên. Nếu chưa kịp thời tìm ra nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch đó mà ký quyết toán đã đến thì nhân viên kế toán phải tạm thời căn cứ theo số liệu của ngân hàng để phản ánh vào tài khoản 112. Số chênh lệch sẽ được phản ánh như sau.

Nếu sổ sách của nhân viên kế toán phản ánh thừa so với sổ sách ngân hàng, kế toán ghi :

Nợ TK 1381 : Số tiền chênh lệch

Có TK 112 :

Nếu sổ sách kế toán ghi thiếu so với sổ sách của ngân hàng, kế toán ghi như sau :

Nợ TK 112 :

Có TK 3381 : Số tiền chênh lệch.

Sang kỳ sau kế toán phải tiếp tục tìm nguyên nhân của sự chênh lệch đó và kiến nghị những biện pháp điều hòa chênh lệch giữa hai hệ thống sổ sách với cấp trên.

CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG

I. Nhận xét chung về công tác kế toán tại công ty TNHH Việt Trường.

1. Ưu điểm.

Từ khi thành lập đến nay công ty TNHH Việt Trường luôn phải đối đầu với hàng loạt những khó khăn thử thách, đặc biệt là sự cạnh tranh gay gắt của các đơn vị, tổ chức kinh tế khác, nhưng công ty TNHH Việt Trường đã có những cố gắng đáng ghi nhận trong việc tổ chức bộ máy quản lý nhằm đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

Là một doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập với quy mô kinh doanh vừa, công ty đã phải tìm cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất. Song bên cạnh những yếu tố trên, tinh thần đoàn kết cũng đóng vai trò quan trọng trên bước đường tự khẳng định mình. Ban lãnh đạo công ty luôn quan tâm và động viên cán bộ trong công ty rèn luyện về đạo đức tinh thần cũng như kỹ năng nghiệp vụ, khuyến khích họ đoàn kết phấn đấu đi lên. Công tác quản lý và hạch toán kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện, thực sự trở thành công cụ đắc lực phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của công ty.

Hiện nay công ty TNHH Việt Trường đang sử dụng hệ thống tài khoản kế toán thống nhất, đồng thời áp dụng hình thức ghi sổ kế toán : “Nhật ký chung”. Bộ máy kế toán công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ, mỗi kế toán viên đều được phân công công việc rõ ràng. Trình độ của nhân viên không ngừng được nâng cao, thường xuyên được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, biết vận dụng khéo léo và nhịp nhàng giữa lý thuyết và thực tế tại công ty, biết áp dụng những phương thức hạch toán phù hợp với thực tế phát sinh đồng thời có thể giảm được

khối lượng công việc ghi chép thừa để đạt hiệu quả cao. Mỗi nhân viên kế toán đều có thể sử dụng được máy vi tính nên công việc kế toán được thực hiện nhanh chóng, số liệu luôn chính xác.

Như đã phân tích ở phần trước, trong công tác hạch toán kế toán tại công ty thì hạch toán vốn bằng tiền là một khâu vô cùng quan trọng. Nhờ nhận thức rõ điều này công ty đã có những biện pháp tốt trong việc tổ chức hạch toán cũng như tổ chức quản lý và sử dụng vốn bằng tiền.

Việc giữ gìn và bảo quản tiền mặt trong két được đảm bảo tính an toàn cao. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật hàng ngày nên thông tin kinh tế mang tính liên tục và chính xác. Công tác kế toán tổng hợp được đơn giản hóa tới mức tối đa, cho phép ghi chép kịp thời một cách tổng hợp những hiện tượng kinh tế có liên quan đến tình trạng biến động của vốn bằng tiền.

Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định và được ghi chi tiết tối đa cho từng loại tiền. Sự chi tiết đó đã cho phép ban lãnh đạo nắm bắt được những số liệu cụ thể và chi tiết của vốn bằng tiền, từ đó có thể ra các quyết định một cách chính xác và hợp lý.

Sổ sách kế toán được lập và ghi chép rõ ràng rành mạch. Việc lưu trữ thông tin thông tin và lập sổ sách đã được thực hiện trên máy vi tính và chỉ in ra với sự lựa chọn đối với sổ sách cần thiết phục vụ cho sản xuất kinh doanh, quản lý. Nên doanh nghiệp đã trực tiếp giảm được một phần chi phí, đồng thời giảm được một phần số lượng các chứng từ và sổ lưu trữ ở kho.

Trên đây là một số những nhận xét về ưu điểm của công ty TNHH Việt Trường nói chung và phòng kế toán nói riêng trong việc tìm ra con đường kinh doanh có hiệu quả nhất.

2. Nhược điểm.

- Công ty chưa thường xuyên tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt để xác định số tiền tồn quỹ thực tế và số thừa thiếu so với quỹ, trên cơ sở đó tìm ra nguyên nhân của sự chênh lệch và thất thoát tiền, đưa ra những biện pháp quản lý quỹ tốt hơn và có hiệu quả hơn

- Công ty chưa có Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo tỷ lệ quy định.

- Công ty không hạch toán riêng chi phí bán hàng mà cho vào tài khoản 642

- Công ty không mở sổ chi tiết cho các tài khoản 621, TK622, TK627 để theo dõi chi phí sản xuất.

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là một báo cáo tài chính phản ánh các khoản thu và chi tiền của doanh nghiệp trong kỳ theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính. Thông qua nó chủ doanh nghiệp có thể dự đoán được lượng tiền mang lại từ các hoạt động trong tương lai. Nhà quản lý cũng có thể thấy được trước khả năng thanh toán trong kỳ hoạt động tới ... Vì sự quan trọng đó mà hầu hết các doanh nghiệp đều lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Nhưng cho đến nay công ty TNHH Việt Trường vẫn chưa sử dụng vai trò của báo cáo này.

II. Một số những giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Việt Trường.

1. Về quản lý quỹ tiền mặt và tiền ngoại tệ:

- Công ty cần phải tiến hành việc kiểm kê quỹ định kỳ vào ngày cuối hàng tháng, hàng quý và cuối năm hoặc khi cần thiết có thể kiểm kê đột xuất hoặc khi bàn giao quỹ. Việc kiểm kê quỹ cần thực hiện theo mẫu số 08a –TT, 08b-TT(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC) cho từng loại tiền trong quỹ của doanh nghiệp để biết số tiền thực tế có trong quỹ và số tiền ghi trên sổ tại thời điểm kiểm kê.

Việc kiểm kê quỹ cho từng loại tiền trong quỹ có ưu điểm: giúp cho các nhà quản lý nắm bắt được số tiền quỹ thực tế, số tiền thừa, thiếu so với sổ quỹ để có biện pháp tăng cường quản lý quỹ tốt hơn.

Đơn vị :
 Bộ phận :

Mẫu số : 11 – LĐTL
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VND)

Hôm nay, vào ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ...

Chúng tôi gồm: Số:

- Ông/Bà: Đại diện kế toán
- Ông/Bà: Đại diện thủ quỹ
- Ông/Bà: Đại diện

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ	x	...
II	Số kiểm kê thực tế	x	...
1	Trong đó: -Loại		
2	-Loại		
3	-Loại		
4	-Loại		
5		
III	Chênh lệch(II-I):	x	...

- Lý do:

+ Thừa:

+ Thiếu:

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên)

- Hiện nay, công ty không ngừng đẩy mạnh mối quan hệ không chỉ với các tổ chức trong nước mà còn cả với các tổ chức quốc tế. Do đó yêu cầu thanh toán bằng ngoại tệ rất quan trọng.

- Trong khi đó công ty TNHH Việt Trường chỉ có tài khoản 112.2 - “Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ” dùng để phản ánh tình hình tăng giảm ngoại tệ của đơn vị tại ngân hàng mà không đăng ký sử dụng tài khoản 111.2 - “Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ”. Điều này đã gây nên không ít khó khăn. Giả sử khi khách hàng đến thanh toán bằng ngoại tệ thì đơn vị không thể nhập quỹ mà phải cho người đi đổi lấy đồng Việt Nam hoặc đem gửi vào tài khoản tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ tại ngân hàng. Đây là một sự lãng phí thời gian và nhân công một cách vô lý.

Vì vậy theo em doanh nghiệp nên đăng ký sử dụng thêm tài khoản 111.2 - “Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ” để phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh được thuận lợi hơn.

2. Công ty có các tài khoản TGNH tại các ngân hàng như : NH Công thương thành phố Hải Phòng, NH thương mại cổ phần Á Châu, NH thương mại cổ phần Dầu khí, ... nên việc ghi chép chi tiết đối với từng ngân hàng là rất cần thiết, bởi nó giúp quá trình kiểm tra sổ sách được dễ dàng hơn. Công ty cũng đã tiến hành ghi chép nhưng theo em cần phải ghi chi tiết hơn nữa đối với từng ngân hàng và từng nghiệp vụ phát sinh.

3. Do đơn vị chưa có một định mức tiền mặt tồn quỹ cụ thể cũng như một số kế hoạch thanh toán tiền công nợ thống nhất nên dẫn đến tình trạng số tiền mặt tại quỹ của đơn vị không ổn định, có lúc quá ít có lúc quá nhiều. Điều này dễ gây nên những khó khăn cho công ty trong việc chi tiêu tiền mặt phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh hoặc gây ứ đọng quá nhiều tiền làm vòng quay của vốn bị chậm lại. Để khắc phục nhược điểm này, theo em công ty nên xây dựng một định mức tiền mặt tại quỹ cụ thể trong từng kỳ hạch toán căn cứ vào kế hoạch thu chi tiền mặt trong

kỳ. Định mức này có thể xê dịch trong kỳ hạch toán, nhưng không được phép tăng quá cao hoặc quá thấp gây tình trạng bất ổn trong quỹ tiền mặt của doanh nghiệp. Bên cạnh đó công ty cũng cần lập kế hoạch thu hồi và thanh toán các khoản công nợ sao cho số tiền sẽ phải trả nợ cũng như số tiền sẽ thu hồi nợ cân đối nhau, đảm bảo được nhu cầu thu, chi tiền mặt của công ty.

4. Thanh toán lương, thanh toán làm đêm, làm thêm giờ..., trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn chiếm tỷ lệ rất lớn trong tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp. Do vậy, Công ty cần lập “Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội” (Mẫu số 11-LĐTLban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC) để tiện cho việc lập kế hoạch thanh toán tiền mặt hàng tháng và sử dụng để ghi vào các bảng kê, Nhật ký – Chứng từ và các sổ kế toán có liên quan tùy theo hình thức kế toán áp dụng của doanh nghiệp (như Sổ cái hoặc Nhật ký –Sổ cái TK 334, 338...) đồng thời được sử dụng để tính giá thành thực tế của sản phẩm dịch vụ hoàn thành.

Đơn vị :
 Bộ phận :

Mẫu số : 11 – LĐTL
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Tháng ... năm ...

ST T	TK Ghi nợ các TK	TK 334 - Phải trả người lao động			TK 338 - Phải trả, phải nộp khác				Tk 335- Chi phí phải trả	Tổng cộng
		Lương	Các khoản khác	Cộng có TK 334	KPCĐ	BHXH	BHYT	Cộng có TK 338		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	TK 622 - Chi phí nhân công trực tiếp									

2	TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi công									
3	TK 627 - Chi phí sản xuất chung									
4	TK 641 - Chi phí bán hàng									
5	TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp									
6	TK 142 - Chi phí trả trước ngắn hạn									
7	TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn									
8	TK 335 - Chi phí phải trả									
									
	Cộng									

5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là một báo cáo tài chính phản ánh các khoản thu và chi tiền của doanh nghiệp trong kỳ theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính. Thông qua nó chủ doanh nghiệp có thể dự đoán được lượng tiền mang lại từ các hoạt động trong tương lai. Nhà quản lý cũng có thể thấy được trước khả năng thanh toán trong kỳ hoạt động tới ... Vì sự quan trọng đó mà công ty cần tiến hành lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ nhằm giúp cho lãnh đạo công ty có được các quyết định sử dụng vốn bằng tiền một cách chính xác.

5.1. Lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

- Có 2 phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ:
 - + Phương pháp trực tiếp
 - + Phương pháp gián tiếp

Hai phương pháp chỉ khác nhau cách lập hoạt động kinh doanh còn hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính thì giống nhau, tức là sử dụng phương pháp trực tiếp.

- Phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ mà công ty áp dụng đó là phương pháp trực tiếp. Nhưng do số liệu bị hạn chế nên em chỉ lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ của tháng 12

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Tháng 12	Tháng 11
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		4,004,100,473	3,471,179,363
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2		(3,404,652,463)	(2,912,563,373)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(384,698,482)	(380,716,688)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(234,789,641)	(206,841,196)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		-	-
6. Tiền thu từ khác hoạt động kinh doanh	6		-	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		-	-
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20		-20,040,113	-28,941,894
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		415,814,008	416,479,964
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		(506,014,139)	(512,733,280)
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30		-90,200,131	-96,253,316
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	10,856,853,010	8,737,263,133
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10,716,853,010)	(8,590,379,948)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức và lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40	140,000,000	146,883,185
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	29,759,756	21,687,975
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	122,840,005	101,152,030
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	152,599,761	122,840,005

Hải Phòng, ngày 05 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

5.2. Phân tích báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Việc phân tích Báo cáo lưu chuyển tiền tệ dựa trên số liệu của tháng 11 và tháng 12.

Bảng so sánh báo cáo lưu chuyển tiền tệ tháng 11, 12

Chỉ tiêu	Tháng 12	Tháng 11	Chênh lệch so với tháng 11	
			Tuyệt đối (±)	Tương đối (%)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	4,004,100,473	3,471,179,363	532,921,110	13.31
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	(3,404,652,463)	(2,912,563,373)	-492,089,090	14.45
3. Tiền chi trả cho người lao động	(384,698,482)	(380,716,688)	-3,981,794	1.04
4. Tiền chi trả lãi vay	(234,789,641)	(206,841,196)	-27,948,445	11.90
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	-20,040,113	-28,941,894	8,901,781	-44.42
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	415,814,008	416,479,964	-665,956	-0.16
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	(506,014,139)	(512,733,280)	6,719,141	-1.33
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	-90,200,131	-96,253,316	6,053,185	-6.71
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	10,856,853,010	8,737,263,133	2,119,589,877	19.52
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(10,716,853,010)	(8,590,379,948)	2,126,473,062	19.84
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	140,000,000	146,883,185	-6,883,185	-4.92
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	29,759,756	21,687,975	8,071,781	27.12
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	122,840,005	101,152,030	21,687,975	17.66
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	152,599,761	122,840,005	29,759,756	19.50

Do số liệu không được đầy đủ nên em chỉ phân tích được các chỉ tiêu sau đây:

Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của tháng 12 tăng 8.901.781 đồng so với tháng 11, tương ứng với tỷ lệ tăng là 44,42%. Cho thấy hoạt động kinh doanh trong tháng 12 của công ty có phần khởi sắc hơn tháng 11. Và việc tăng đó là do những chỉ tiêu sau tác động đến:

+ Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác:

Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác của công ty trong tháng 12 đạt 4.004.100.473 đồng, tăng 532.921.110 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng 13.31 % so với tháng 11. Cho thấy trong tháng 12 công ty đã mở rộng thị trường xuất khẩu ra các nước châu Á, Âu, đồng thời đầu mạnh công tác quảng cáo, quảng bá sản phẩm. Từ đó dẫn đến công ty có nhiều hợp đồng hơn, khách hàng biết đến sản phẩm nhiều hơn, khách hàng biết đến sản phẩm nhiều hơn. Mặt khác, việc tăng đó cũng là do công ty thu được các khoản nợ do khách hàng chiếm dụng của công ty từ kỳ trước.

+ *Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ:*

Trong tháng 12 công ty đã đẩy mạnh việc quảng cáo sản phẩm nên chi phí trong tháng 12 đã tăng hơn so với tháng 11. Cụ thể là tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ trong tháng 12 là 3.404.652.463 đồng, tăng 492.098.090 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng 14,45 % so với tháng 11. Ngoài ra, việc tăng đó cũng là do trong tháng 12 công ty thanh toán các khoản nợ (tiền mua nguyên vật liệu, tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại,...) mà công ty đã chiếm dụng của các công ty khác.

Như vậy khả năng thanh toán của công ty trong tháng 12 là rất tốt, nhưng công ty cần khẩn trương thu đòi các khoản nợ mà khách hàng chiếm dụng của công ty ở các kỳ trước, để dùng đồng vốn này để đầu tư vào các lĩnh vực có chỉ số sinh lời cao hơn.

Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:

Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư trong tháng 12 của công ty có phần giảm sút so với tháng 11. Nguyên nhân lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư trong tháng lại giảm so với tháng 11 là do ảnh hưởng của các chỉ tiêu sau:

+ *Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác:*

Trong tháng 12 công ty đã chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác với số tiền là 415.814.008 đồng, giảm 665.956 đồng, tương ứng với tỷ lệ giảm 0,16 % so với tháng 11 . Do trong tháng 12 doanh nghiệp đã mở rộng thị trường xuất khẩu ra các nước châu Á, Âu làm cho công ty có được nhiều hợp đồng hơn và vì thế doanh nghiệp đã phải mua thêm một số máy móc thiết bị từ tháng 11 để đẩy mạnh sản xuất

+ *Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác:*

Trong tháng 12 công ty đã thanh lý, nhượng bán một số tài sản với tổng trị giá thu được là 506.014.139 đồng. Nhưng số tiền thu được từ thanh lý, nhượng bán lại thấp hơn 6.719.141 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 1,33 % so với tháng 11. Nguyên nhân là do công ty vừa thanh lý, nhượng bán một số tài sản cố định trong tháng 11 xong.

Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:

Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính của công ty trong tháng 12 nhìn chung có phần giảm sút so với tháng 11. Cụ thể là do ảnh hưởng của các chỉ tiêu sau:

+ *Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được* trong tháng 12 tăng 2.119.589.877 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng 19,52% so với tháng 11. Do trong tháng công ty đẩy mạnh công tác sản xuất nên cần vay thêm tiền để mua thêm một số máy móc thiết bị và chi trả tiền mua nguyên vật liệu

+ Đồng thời trong tháng 12 *tiền chi trả nợ gốc vay* cũng tăng 2.126.473.062 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng 19,84% so với tháng 11. Mặc dù trong tháng doanh nghiệp đã vay vốn nhiều hơn tháng 11 nhưng doanh nghiệp cũng đã chi trả các khoản vay tương đối tốt, do trong tháng công ty có thêm nhiều hợp đồng và đã làm tốt hơn công tác thu đòi nợ, chứng tỏ khả năng thanh toán nợ của công ty là tương đối tốt.

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (tháng 12) là: 29.759.756 đồng, tăng 8.071.781 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng 27,12 % so với tháng 11. Cho thấy trong tháng 12 công ty đã phát huy được sự lưu chuyển vốn của đồng tiền và đã làm cho đồng vốn lúc sau cao hơn lúc trước. Đó là một dấu hiệu tốt cho công ty, cho thấy công ty đang trên đà phát triển.

Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ (tháng 12) là 122.840.005 đồng, tăng 21.687.975 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng 17,66 % so với tháng 11.

Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (tháng 12) là 152.599.761 đồng, tăng 29.759.756 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng 19,5 % so với tháng 11.

Cho thấy công ty đang rất nỗ lực để làm cho đồng vốn ngày một tăng lên và luôn có ý định “*đồng vốn lúc sau phải luôn cao hơn lúc trước*”, cho thấy công ty luôn phấn đấu để làm sao một đồng vốn bỏ ra phải thu lại ít nhất một đồng vốn ban đầu.

5.3. Nhận xét:

- Qua so sánh phân tích số liệu của Bảng lưu chuyển tiền tệ qua hai tháng 11 và tháng 12 ta thấy vòng luân chuyển vốn của công ty là tương đối lớn và tháng 12 có xu hướng cao hơn tháng 11, cho thấy công ty hoạt động có hiệu quả.

- Công ty đã phát huy được hiệu quả sử dụng vốn lưu động, nhưng nguồn vốn lưu động mất khả năng tài trợ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, do đó công ty phải vay nợ của các tổ chức tín dụng. Mặt khác công ty lại để cho một số đại lý, cửa hàng chiếm dụng một khoản vốn tương đối lớn làm ảnh hưởng xấu đến hiệu quả sử dụng vốn của công ty. Cho thấy việc phân bổ vốn của công ty chưa hoàn thiện, công ty cần phải có biện pháp làm giảm các khoản nợ phải thu, nợ phải trả tránh tình trạng chiếm dụng vốn, ứ đọng vốn làm giảm hiệu quả sử dụng vốn của công ty.

Kết luận

Qua thời gian thực tập, kết hợp với nghiên cứu lý luận và thực tiễn, em nhận thấy vốn bằng tiền có vị trí rất quan trọng để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu đối với mọi doanh nghiệp cũng như các nhà quản lý. Công tác kế toán vốn bằng tiền vì vậy vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tế cao.

Để kế toán phát huy được vai trò trong quản lý kinh tế thông qua việc phản ánh một cách chặt chẽ, toàn vẹn tài sản tiền vốn của công ty ở mọi khâu của quá trình tái sản xuất, công tác hạch toán kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng cần được kiện toàn, nhất là trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Việt Trường, em đã phần nào nắm bắt được thực trạng công tác tổ chức hệ thống kế toán trong một doanh nghiệp và những công việc cần phải làm đối với một phần hành kế toán. Điều đó giúp em hiểu sâu hơn về lý luận, so sánh được sự giống nhau giữa lý luận và thực tiễn nhằm bổ sung những kiến thức đã được học trong nhà trường.

Do hạn chế về hiểu biết lý luận và thực tiễn, hơn nữa thời gian thực tập tại công ty có hạn nên trong quá trình nghiên cứu và trình bày bài viết này không tránh khỏi sai sót và hạn chế. Em rất mong có được sự đóng góp và giúp đỡ của các thầy cô cùng các cán bộ phòng kế toán của công ty TNHH Việt Trường.

Em cũng xin được gửi lời cảm ơn tới các thầy cô giáo, Ban giám đốc, các anh chị nhân viên trong công ty đã hết lòng tạo điều kiện cho em thu thập tài liệu để hoàn thành bản khóa luận này./.

Sinh viên :

Vũ Ngọc Thịnh